|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP** | **KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN** |

**BÁO CÁO ĐỒ ÁN**

**XÂY DỰNG PHẦN MỀM**

**QUẢN LÝ CHO THUÊ PHÒNG TẠI KHÁCH SẠN**

**Họ và tên sinh viên:**

1. Nguyễn Xuân Huy
2. Dương Văn Đạt

HÀ NỘI – 2025

# LỜI CẢM ƠN

Đề tài “Chương trình quản lý thuê phòng khách sạn” được thực hiện nhằm mục tiêu vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết một bài toán thực tế trong lĩnh vực quản lý dịch vụ lưu trú. Trong quá trình làm đồ án, người thực hiện đã có cơ hội tiếp cận và hiểu rõ hơn về các nghiệp vụ như đặt phòng, trả phòng, thanh toán, quản lý khách hàng, cũng như cách xây dựng phần mềm để hỗ trợ những công việc đó một cách hiệu quả.

Để hoàn thành đề tài này, xin được gửi lời cảm ơn đến quý thầy cô giảng viên trong khoa Công Nghệ Thông Tin, trường Đại học Kinh tế Kỹ Thuật – Công Nghiệp đã tạo điều kiện học tập, hướng dẫn và cung cấp kiến thức chuyên môn trong suốt thời gian qua. Đặc biệt, xin cảm ơn giảng viên Đoàn Tấn Nam đã tận tình góp ý, định hướng và giúp đỡ trong quá trình thực hiện đề tài.

Mặc dù đã nỗ lực thực hiện một cách nghiêm túc, nhưng vì giới hạn về thời gian và kinh nghiệm thực tế, đề tài chắc chắn vẫn còn những điểm chưa hoàn chỉnh. Rất mong nhận được những góp ý để có thể hoàn thiện tốt hơn trong những lần sau.

# PHIẾU ĐĂNG KÝ

**Tên Project: P5**

**Tên đồ án: Xây dựng phần mềm quản lý cho thuê phòng tại một khách sạn.**

**Yêu cầu cụ thể:**

**1. Mục tiêu của đồ án:**

- Củng cố kiến thức môn học cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế hệ thống

- Rèn luyện kỹ năng thiết kế chương trình và kỹ thuật lập trình trên PC

- Rèn luyện kỹ năng thực hiện và trình bày báo cáo

**2. Nhiệm vụ của đồ án:**

a) Nhiệm vụ chung

-  Khảo sát hệ thống thực tế gắn  liền với bài toán, tìm hiểu các yêu cầu nhiệm vụ cần thực hiện của hệ thống, các mẫu biểu cần thiết.

- Phân tích hệ thống: (a) Về chức năng Xây dựng biểu đồ phân cấp chức năng, biểu đồ dòng dữ liệu các mức: khung cảnh, đỉnh, dưới đỉnh; (b) Về dữ liệu: Xây dựng các lớp thực thể, mô hình thực thể liên hệ, chuyển sang mô hình quan hệ và chuẩn hóa về 3NF

- Thiết kế hệ thống: Thiết kế CSDL, giao diện người dùng, chức năng-tiến trình, báo cáo, bảo mật – phân quyền…

- Cài đặt giao diện có menu, toolbar, thao tác với cơ sở dữ liệu (thêm, sửa, xóa, tìm kiếm); giao diện thực hiện chức năng, nghiệp vụ.

- Sửa các lỗi, đóng gói chương trình

b) Nội dung:

- Quản lý thông tin từng phòng: loại phòng và giá phòng, số giường…

- Quản lý dịch vụ gia tăng bổ sung: giặt, là, điện thoại…

- Quản lý thông tin khách thuê phòng.

- Quản lý đặt phòng và thanh toán.

- Xuất thông tin hóa đơn đã thanh toán ra file dữ liệu excel.

**3. Kết quả cần đạt được:**

a) Viết báo cáo khảo sát, phân tích (về chức năng và dữ liệu), thiết kế (cơ sở dữ liệu và các chức năng của chương trình, giao diện chương trình…), cài đặt chương trình.

b) Chương trình chạy trên môi trường PC

# LỜI GIỚI THIỆU

Trong thời đại công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, việc ứng dụng phần mềm vào công tác quản lý đã trở thành xu hướng tất yếu trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là ngành dịch vụ lưu trú và khách sạn. Trước nhu cầu ngày càng cao của khách hàng về chất lượng phục vụ, sự nhanh chóng và tiện nghi trong quá trình đặt phòng, nhận phòng, trả phòng và thanh toán, các khách sạn cần có những công cụ hỗ trợ hiện đại nhằm tối ưu hóa quy trình quản lý, giảm thiểu chi phí vận hành, đồng thời nâng cao hiệu quả kinh doanh và mức độ hài lòng của khách hàng.

Tuy nhiên, trên thực tế, không ít khách sạn, đặc biệt là những cơ sở lưu trú vừa và nhỏ, vẫn đang áp dụng phương pháp quản lý thủ công thông qua giấy tờ hoặc các bảng tính rời rạc, thiếu tính hệ thống. Việc này không chỉ làm tăng nguy cơ sai sót và mất dữ liệu mà còn gây khó khăn trong việc kiểm soát phòng trống, theo dõi lịch sử khách hàng, tổng hợp báo cáo tài chính hay truy xuất thông tin khi cần thiết. Trước những hạn chế đó, việc xây dựng một chương trình quản lý thuê phòng khách sạn là vô cùng cần thiết và mang tính thực tiễn cao.

Chương trình được thiết kế với mục tiêu hỗ trợ toàn diện cho quá trình vận hành của khách sạn. Cụ thể, hệ thống sẽ cung cấp các chức năng chính như: quản lý thông tin khách hàng, danh sách phòng và tình trạng sử dụng, thực hiện đặt phòng – hủy phòng – trả phòng, tạo và in phiếu thanh toán, thống kê doanh thu theo từng giai đoạn, và quản lý người dùng theo từng vai trò cụ thể. Ngoài ra, hệ thống còn đảm bảo tính bảo mật dữ liệu và phân quyền hợp lý nhằm giúp người quản trị kiểm soát tốt hoạt động chung.

Phần mềm được phát triển trên nền tảng ứng dụng Windows Forms (WinForms), sử dụng ngôn ngữ lập trình C# kết hợp với hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server. Kiến trúc phần mềm được tổ chức theo mô hình phân lớp giúp dễ bảo trì, nâng cấp và mở rộng trong tương lai. Giao diện người dùng được xây dựng thân thiện, dễ sử dụng, hướng đến trải nghiệm trực quan và tiện lợi cho nhân viên lễ tân, quản lý và người điều hành khách sạn.

# NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

# MỤC LỤC

[**LỜI CẢM ƠN 2**](#_Toc204291563)

[**PHIẾU ĐĂNG KÝ 3**](#_Toc204291564)

[**LỜI GIỚI THIỆU 4**](#_Toc204291565)

[**NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN 5**](#_Toc204291566)

[**MỤC LỤC 6**](#_Toc204291567)

[**DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ 7**](#_Toc204291568)

[**I. TỔNG QUAN 9**](#_Toc204291569)

[**1.1. Giới thiệu đề tài 9**](#_Toc204291570)

[**1.2. Mục đích và yêu cầu của đề tài 9**](#_Toc204291571)

[**1.3. Quy trình thực hiện 11**](#_Toc204291572)

[**II. KHẢO SÁT HỆ THỐNG 12**](#_Toc204291573)

[**2.1. Mục đích khảo sát 12**](#_Toc204291574)

[**2.2. Các nguồn điều tra thông tin 12**](#_Toc204291575)

[**2.3. Các phương pháp khảo sát 13**](#_Toc204291576)

[**2.4. Báo cáo tổng hợp quá trình khảo sát 13**](#_Toc204291577)

[**2.5. Khó khăn và hạn chế 17**](#_Toc204291578)

[**III. PHÂN TÍCH HỆ THỐNG 17**](#_Toc204291579)

[**3.1. Khái quát hệ thống 17**](#_Toc204291580)

[**3.2. Các chức năng chính 18**](#_Toc204291581)

[**3.3. Mô hình xử lý nghiệp vụ 19**](#_Toc204291582)

[**3.4. Sơ đồ phân rã chức năng 20**](#_Toc204291583)

[**3.5. Sơ đồ luồng dữ liệu 21**](#_Toc204291584)

[**IV. PHÂN TÍCH HỆ THỐNG VỀ DỮ LIỆU 26**](#_Toc204291585)

[**4.1. Phân tích hệ thống quản lý cho thuê phòng của khách sạn về dữ liệu 26**](#_Toc204291586)

[**4.2. Thiết kế cơ sở dữ liệu. 31**](#_Toc204291587)

[**V. THIẾT KẾ HỆ THỐNG 38**](#_Toc204291588)

[**5.1. Sơ đồ chức năng chính 38**](#_Toc204291589)

[**5.2. Phân tích hệ thống 42**](#_Toc204291590)

[**5.3. Phân tích chức năng 54**](#_Toc204291591)

[**KẾT LUẬN 69**](#_Toc204291592)

[**TÀI LIỆU THAM KHẢO 70**](#_Toc204291593)

# DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

[*Hình 2.4.1. Phiếu đặt phòng 13*](#_Toc204289736)

[*Hình 2.4.2. Phiếu trả phòng 14*](#_Toc204289737)

[*Hình 2.4.3. Phiếu sử dụng dịch vụ 15*](#_Toc204289738)

[*Hình 2.4.2. Phiếu thanh toán 16*](#_Toc204289739)

[*Hình 3.2. Các chức năng chính của hệ thống 18*](#_Toc204289740)

[*Hình 3.3.1. Sơ đồ nghiệp vụ chức năng đặt phòng 19*](#_Toc204289741)

[*Hình 3.3.1. Sơ đồ nghiệp vụ chức năng trả phòng 19*](#_Toc204289742)

[*Hình 3.3.1. Sơ đồ nghiệp vụ chức năng trả phòng 20*](#_Toc204289743)

[*Hình 3.4. Sơ đồ phân rã chức năng 20*](#_Toc204289744)

[*Hình 3.5.1. Sơ đồ ngữ cảnh 21*](#_Toc204289745)

[*Hình 3.5.2. Sơ đồ luồng dữ liệu mức khung cảnh 21*](#_Toc204289746)

[*Hình 3.5.3. Sơ đồ luồng dữ liệu mức đỉnh 22*](#_Toc204289747)

[*Hình 3.5.1: Mô hình DFD mức tổng quát 22*](#_Toc204289748)

[*Hình 3.5.2: Mô hình DFD mức 1 23*](#_Toc204289749)

[*Hình 3.5.2. Mô hình quản lý khai thác phòng 24*](#_Toc204289750)

[*Hình 3.5.2. Mô hình quản lý khách hàng 24*](#_Toc204289751)

[*Hình 3.5.3. Mô hình quản lý dịch vụ 25*](#_Toc204289752)

[*Hình 3.5.4. Mô hình quản lý phòng 25*](#_Toc204289753)

[*Hình 4.1.1.3. Sơ đồ thực thể liên hệ 28*](#_Toc204289754)

[*Hình 5.1.1. Sơ đồ giao diện chính 38*](#_Toc204289755)

[*Hình 5.1.2. Sơ đồ chức năng đặt / trả phòng 39*](#_Toc204289756)

[*Hình 5.1.3. Sơ đồ chức năng cập nhật thông tin 39*](#_Toc204289757)

[*Hình 5.1.4. Sơ đồ chức năng dịch vụ thêm 40*](#_Toc204289758)

[*Hình 5.1.5. Sơ đồ chức năng danh sách phòng 40*](#_Toc204289759)

[*Hình 5.1.6. Sơ đồ chức năng thanh toán 41*](#_Toc204289760)

[*Hình 5.2.1.1. Giao diện đăng nhập hệ thống 42*](#_Toc204289761)

[*Hình 5.2.1.2. Giao diện đăng ký hệ thống 43*](#_Toc204289762)

[*Hình 5.2.1.3. Giao diện menu 45*](#_Toc204289763)

[*Hình 5.2.2.1a. Giao diện chức năng đặt phòng 46*](#_Toc204289764)

[*Hình 5.2.2.2b. Giao diện chức năng trả phòng 47*](#_Toc204289765)

[*Hình 5.2.2.2. Giao diện chức năng trả phòng 48*](#_Toc204289766)

[*Hình 5.2.2.3. Giao diện chức năng dịch vụ thêm 50*](#_Toc204289767)

[*Hình 5.2.2.4. Giao diện chức năng danh sách phòng 51*](#_Toc204289768)

[*Hình 5.2.2.5. Giao diện chức năng thanh toán 52*](#_Toc204289769)

[*Hình 5.3.1.1. Giao diện chính của Đặt phòng 54*](#_Toc204289770)

[*Hình 5.3.1.2a. Cửa sổ điền thông tin đặt phòng mới 55*](#_Toc204289771)

[*Hình 5.3.1.1. Thông báo mã khách hàng cần bổ sung 56*](#_Toc204289772)

[*Hình 5.3.1.3. Danh sách phòng đang được thuê 57*](#_Toc204289773)

[*Hình 5.3.1.4a. Danh sách phòng chọn sửa thông tin 58*](#_Toc204289774)

[*Hình 5.3.1.4b. Sửa thông tin phòng đã đặt 58*](#_Toc204289775)

[*Hình 5.3.2.1. Giao diện chức năng Trả phòng 59*](#_Toc204289776)

[*Hình 5.3.2.2. Giao diện xác nhận Trả phòng và thanh toán 60*](#_Toc204289777)

[*Hình 5.3.3.1. Giao diện chính Quản lý thông tin khách hàng 61*](#_Toc204289778)

[*Hình 5.3.3.2. Cửa sổ thêm thông tin khách hàng 62*](#_Toc204289779)

[*Hình 5.3.3.3. Bảng dữ liệu thông tin khách hàng hợp lệ 63*](#_Toc204289780)

[*Hình 5.3.3.3. Bảng dữ liệu thông tin khách hàng hợp lệ 64*](#_Toc204289781)

[*Hình 5.3.4.1. Giao diện chức năng Dịch vụ thêm 65*](#_Toc204289782)

[*Hình 5.3.4.1b. Thông tin đặt dịch vụ của một phòng đang thuê 66*](#_Toc204289783)

[*Hình 5.3.4.3. Thông tin đặt dịch vụ của một phòng đang thuê 66*](#_Toc204289784)

[*Hình 5.3.5.1. Giao diện chính của chức năng thanh toán 67*](#_Toc204289785)

[*Hình 5.3.5.2. Cửa sổ thanh toán hóa đơn phòng 68*](#_Toc204289786)

[*Hình 5.3.5.3. Lịch sử hóa đơn thanh toán 68*](#_Toc204289787)

1. **TỔNG QUAN**

## Giới thiệu đề tài

Trong môi trường kinh doanh khách sạn hiện nay, nhu cầu đặt phòng, kiểm tra tình trạng phòng, lưu thông tin khách hàng và quản lý hóa đơn diễn ra thường xuyên và liên tục. Nếu các hoạt động này được thực hiện thủ công hoặc bằng các công cụ không chuyên dụng, sẽ rất dễ xảy ra sai sót, tốn thời gian và gây khó khăn trong quá trình kiểm soát.

Chính vì vậy, việc xây dựng một phần mềm quản lý cho thuê phòng khách sạn là một giải pháp thiết thực. Phần mềm này cần hỗ trợ đầy đủ các chức năng cơ bản như: quản lý phòng, khách hàng, đặt và trả phòng, thống kê doanh thu,… và có thể mở rộng theo nhu cầu phát triển của doanh nghiệp.

## 1.2. Mục đích và yêu cầu của đề tài

**1.2.1. Mục đích**

* Hỗ trợ nhân viên lễ tân và quản lý khách sạn trong việc theo dõi phòng, khách hàng và đơn thuê.
* Giảm thiểu thao tác thủ công, hạn chế sai sót trong quá trình nhập liệu và xử lý dữ liệu.
* Tăng hiệu suất làm việc và nâng cao tính chuyên nghiệp của dịch vụ khách sạn.

**1.2.2. Đối tượng sử dụng**

* *Nhân viên lễ tân*: Là người trực tiếp sử dụng phần mềm để tiếp nhận thông tin khách hàng, thực hiện đặt phòng, trả phòng, tra cứu phòng trống và lập hóa đơn thanh toán.
* *Quản lý khách sạn*: Theo dõi hoạt động thuê phòng, giám sát doanh thu, cập nhật thông tin phòng, phân quyền người dùng và xuất báo cáo tổng hợp.
* *Nhân viên kế toán*: Sử dụng phần mềm để đối chiếu hóa đơn, theo dõi thanh toán, thống kê doanh thu và hỗ trợ lập báo cáo tài chính.
* *Quản trị viên hệ thống*: Quản lý người dùng, phân quyền sử dụng, cấu hình thông số hệ thống, danh mục loại phòng và ghi nhận nhật ký hoạt động.
* *Khách hàng (gián tiếp)*: Được hưởng lợi từ quy trình đặt phòng, thanh toán, phục vụ nhanh chóng, chính xác và chuyên nghiệp hơn.

**1.2.3. Yêu cầu**

**1.2.3.1. Yêu cầu chức năng**

* Hệ thống cho phép nhập, sửa, xóa thông tin khách hàng, phòng và hóa đơn.
* Hệ thống hỗ trợ tra cứu phòng trống, đặt phòng, trả phòng, và ghi nhận thanh toán.
* Hệ thống có chức năng thống kê – báo cáo doanh thu theo ngày, tháng.
* Hệ thống cho phép quản lý người dùng và phân quyền sử dụng.

**1.2.3.2. Yêu cầu phi chức năng**

* Giao diện đơn giản, dễ sử dụng, thân thiện với người không chuyên.
* Đảm bảo tính chính xác và bảo mật thông tin khách hàng, hóa đơn.
* Hệ thống hoạt động ổn định, thời gian phản hồi nhanh (dưới 5 giây cho mỗi thao tác).
* Dễ dàng bảo trì, nâng cấp hoặc mở rộng khi cần thiết.

## Quy trình thực hiện

Để đảm bảo phần mềm được xây dựng một cách có hệ thống, nhóm thực hiện đồ án theo quy trình gồm các bước cụ thể như sau:

* Bước 1: Khảo sát thực tế và xác định yêu cầu
  + Tìm hiểu nghiệp vụ quản lý phòng tại một khách sạn thực tế hoặc mô phỏng.
  + Xác định các đối tượng cần quản lý như: phòng, khách hàng, hóa đơn, đặt phòng.
  + Ghi nhận các yêu cầu chức năng (functional requirements) và phi chức năng (non-functional requirements).
* Bước 2: Phân tích và thiết kế hệ thống
  + Vẽ sơ đồ Use Case để mô tả các chức năng của hệ thống và các tác nhân tương tác.
  + Thiết kế sơ đồ lớp (class diagram), sơ đồ trình tự (sequence diagram) cho các nghiệp vụ chính.
  + Thiết kế cơ sở dữ liệu: xác định các bảng, khóa chính, khóa ngoại và mối quan hệ giữa các bảng.
  + Xây dựng mô hình 3 lớp:
    - Giao diện người dùng (Presentation layer): tương tác với người dùng.
    - Lớp xử lý nghiệp vụ (Business layer): xử lý logic chương trình.
    - Lớp truy xuất dữ liệu (Data Access layer): kết nối và thao tác với CSDL.
* Bước 3: Cài đặt và lập trình
  + Sử dụng ngôn ngữ C# kết hợp với công nghệ .NET để xây dựng phần mềm dạng ứng dụng desktop (Windows Forms hoặc WPF).
  + Sử dụng SQL Server để lưu trữ dữ liệu.
  + Cài đặt đầy đủ các chức năng theo yêu cầu đã phân tích: quản lý phòng, khách hàng, đặt phòng, hóa đơn, báo cáo.
* Bước 4: Kiểm thử phần mềm
  + Thực hiện kiểm thử chức năng (Function Testing) với các tình huống nhập liệu, đặt/trả phòng, xuất hóa đơn,...
  + Kiểm tra tính chính xác của việc tính tiền thuê, phân loại trạng thái phòng, tìm kiếm thông tin.
  + Sửa lỗi và tinh chỉnh phần mềm dựa trên kết quả kiểm thử.

1. **KHẢO SÁT HỆ THỐNG**
   1. **Mục đích khảo sát**

Mục đích của việc khảo sát là nhằm nắm bắt quy trình nghiệp vụ hiện tại của khách sạn, xác định rõ các nghiệp vụ cốt lõi, các vấn đề còn tồn tại, từ đó đưa ra các yêu cầu chức năng và phi chức năng cần thiết cho việc xây dựng phần mềm quản lý cho thuê phòng phù hợp với thực tế.

* 1. **Các nguồn điều tra thông tin**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nguồn thông tin** | **Nội dung khảo sát được khai thác** |
| **Người sử dụng hệ thống** | Quản lý khách sạn, lễ tân, kế toán, nhân viên buồng phòng. |
| **Tài liệu quy định, nghiệp vụ** | Nội quy khách sạn, quy trình nhận – trả phòng, quy định giờ nhận/trả, quy định giá phòng, phụ thu,... |
| **Biểu mẫu/hồ sơ đang sử dụng** | Phiếu đặt phòng, phiếu thanh toán, danh sách khách thuê, danh sách phòng, hóa đơn, báo cáo doanh thu. |
| **Phần mềm/tiện ích hiện tại** | Một số file Excel theo dõi thuê phòng, phiếu giấy ghi tay, phần mềm cũ đang dùng bị giới hạn tính năng. |

* 1. **. Các phương pháp khảo sát**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương pháp** | **Nội dung áp dụng cụ thể** |
| **Nghiên cứu tài liệu** | Đọc và phân tích các biểu mẫu nghiệp vụ hiện có: phiếu đặt phòng, hóa đơn thanh toán, bảng kê khách thuê, danh mục phòng,… |
| **Quan sát** | Trực tiếp quan sát quy trình: tiếp nhận khách, chọn phòng, ghi nhận đặt phòng, quy trình trả phòng, tính tiền và in hóa đơn. |
| **Phỏng vấn** | Gặp gỡ và đặt câu hỏi cho quản lý khách sạn, lễ tân, nhân viên kế toán để nắm rõ các thao tác thường gặp, vướng mắc và nhu cầu cải tiến. |

* 1. **Báo cáo tổng hợp quá trình khảo sát**
     1. **Quy trình đặt – thuê phòng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BM1** | **Tiếp nhận khách đặt phòng** | |
| **Mã đặt phòng**: | | |
| **Họ và tên:** | | **Ngày nhận:** |
| **CCCD / CMND:** | | **Loại phòng:** |
| **Thời gian lưu trú dự kiến:** | | **Số người:** |
| **Lễ Tân** | | **Người nhận phòng** |

*Hình 2.4.1. Phiếu đặt phòng*

* Khách đến yêu cầu thuê phòng tại quầy lễ tân.
* Lễ tân kiểm tra danh sách phòng trống theo loại phòng, tình trạng phòng.
* Nhân viên trao đổi loại phòng, giá, dịch vụ kèm theo cho khách.
* Nhập thông tin khách hàng: họ tên, CCCD, số điện thoại, ngày sinh, địa chỉ.
* Nhập thông tin đặt phòng: ngày nhận – ngày trả, loại phòng, yêu cầu đặc biệt (nếu có).
* Ghi nhận yêu cầu trước khi nhận phòng nếu khách đề xuất (ví dụ: không hút thuốc, thêm gối).
* Hệ thống tạo phiếu đặt phòng và cập nhật trạng thái phòng thành “Đã đặt”.
* Thông tin được chuyển sang bộ phận buồng phòng để chuẩn bị phòng đúng yêu cầu.
  + 1. **Quy trình trả phòng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BM2** | **Phiếu trả phòng** | | |
| **Họ và tên:** | | | **CCCD/CMND:** |
| **Ngày sinh:** | | | **SĐT:** |
| **Địa chỉ:** | | | |
| **Ngày thuê:** | | | **Ngày trả phòng:** |
| **Dịch vụ đã sử dụng:** | | |  |
| **Tổng tiền:** | | | |
| **Phương thức thanh toán** | | | |
| **Ghi chú:** | | | |
| **Lễ Tân** | | **Người thanh toán** | |

*Hình 2.4.2. Phiếu trả phòng*

* Khi khách yêu cầu trả phòng, lễ tân kiểm tra số ngày lưu trú.
* Tính tổng tiền dựa trên:
  + Loại phòng
  + Số ngày thực tế
  + Các dịch vụ sử dụng thêm (giặt ủi, ăn sáng, minibar,... nếu có)
* Lập **phiếu thanh toán (hóa đơn),** in và thu tiền mặt hoặc quẹt thẻ.
  + 1. **Quy trình sử dụng dịch vụ trong thời gian lưu trú**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BM3** | **Phiếu yêu cầu sử dụng dịch vụ khách sạn** | |
| **Mã đặt phòng**: | | |
| **Dịch vụ sử dụng:** | | |
| **Thời gian:** | | **Số lượng:** |
| **Tổng chi phí:** | | |
| **Ghi chú:** | | |
| **Lễ Tân** | | **Người nhận phòng** |

*Hình 2.4.3. Phiếu sử dụng dịch vụ*

* Trong quá trình ở, khách có thể đăng ký sử dụng thêm các dịch vụ như:
  + Giặt ủi
  + Ăn uống tại phòng
  + Minibar
  + Dọn phòng theo giờ
* Lễ tân hoặc nhân viên ghi nhận vào hệ thống mỗi lần khách dùng dịch vụ:
  + Mã đặt phòng, dịch vụ, số lượng, thời gian
* Hệ thống lưu vào bảng dịch vụ sử dụng, tự động cộng dồn để tính hóa đơn khi trả phòng.
  + 1. **Quy trình trả phòng – thanh toán**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BM4** | **Phiếu thanh toán** | |
| **Mã hóa đơn:** | | |
| **Mã đặt phòng**: | | |
| **Họ và tên khách:** | | **CCCD / CMND:** |
| **Số người:** | | **Số ngày lưu trú:** |
| **Loại phòng:** | | **Giá phòng** |
| **Phụ thu dịch vụ:** | | **Thuế VAT (8%):** |
| **Tổng tiền thanh toán:** | | |
| **Phương thức thanh toán** | | |
| **Lễ Tân** | | **Người thanh toán** |

*Hình 2.4.2. Phiếu thanh toán*

* Khi khách yêu cầu trả phòng, lễ tân xác nhận mã đặt phòng và tính số ngày lưu trú.
* Hệ thống tự động:
  + Tính số ngày thực tế lưu trú.
  + Tổng tiền thuê = số ngày × đơn giá.
  + Cộng thêm các dịch vụ đã sử dụng (nếu có).
  + Áp dụng VAT, phụ thu nếu có.
* Lập hóa đơn chi tiết và xuất cho khách:
  + Ghi rõ từng khoản, hình thức thanh toán.
* Thực hiện thanh toán qua:
  + Tiền mặt.
  + Chuyển khoản, thẻ.
  + Ví điện tử (Momo, ZaloPay,...).
* Cập nhật trạng thái phòng về “Trống”.
  + 1. **Quy trình thống kê – báo cáo**
* Hàng ngày:
  + Báo cáo danh sách khách đang lưu trú.
  + Báo cáo số phòng đang sử dụng.
  + Doanh thu theo từng loại phòng / từng nhân viên.
* Hàng tuần / hàng tháng:
  + Tổng hợp số lượt thuê phòng.
  + Tổng doanh thu.
  + Hiệu suất sử dụng phòng.
  + Dịch vụ sử dụng phổ biến.
  + Phân tích xu hướng (nếu có biểu đồ)
  1. **Khó khăn và hạn chế**
* Việc nhập thông tin khách và đặt phòng còn thủ công (ghi tay hoặc file Excel), dễ sai sót, mất thời gian.
* Không có hệ thống tra cứu lịch sử khách cũ.
* Không kiểm soát được trạng thái phòng theo thời gian thực (đang sử dụng, đang dọn, hỏng...).
* Không tự động tính tiền, dễ nhầm lẫn.
* Không có báo cáo biểu đồ, phân tích xu hướng.

1. **PHÂN TÍCH HỆ THỐNG**
   1. **Khái quát hệ thống**

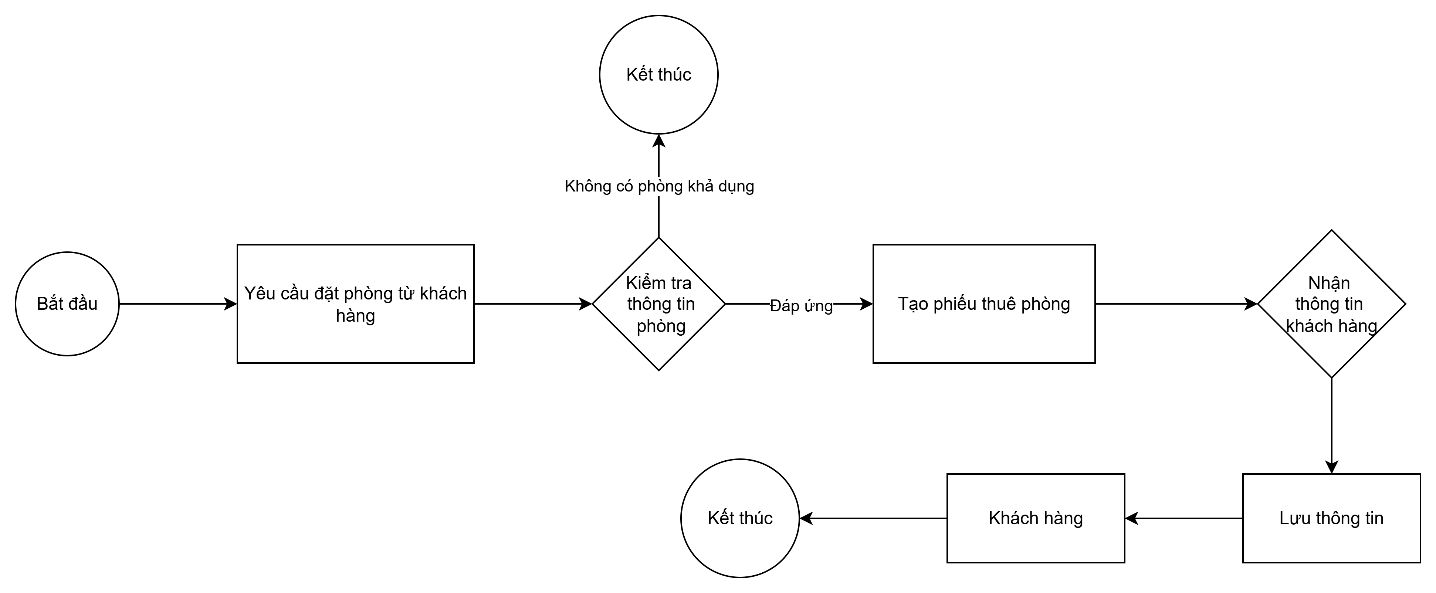
Phần mềm quản lý cho thuê phòng tại khách sạn là một hệ thống hỗ trợ tự động hóa các nghiệp vụ liên quan đến: tiếp nhận khách thuê, quản lý thông tin khách hàng, quản lý danh sách phòng, xử lý thanh toán và báo cáo thống kê. Hệ thống nhằm giảm thiểu thao tác thủ công, nâng cao hiệu quả và tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý khách sạn.

* 1. **Các chức năng chính**

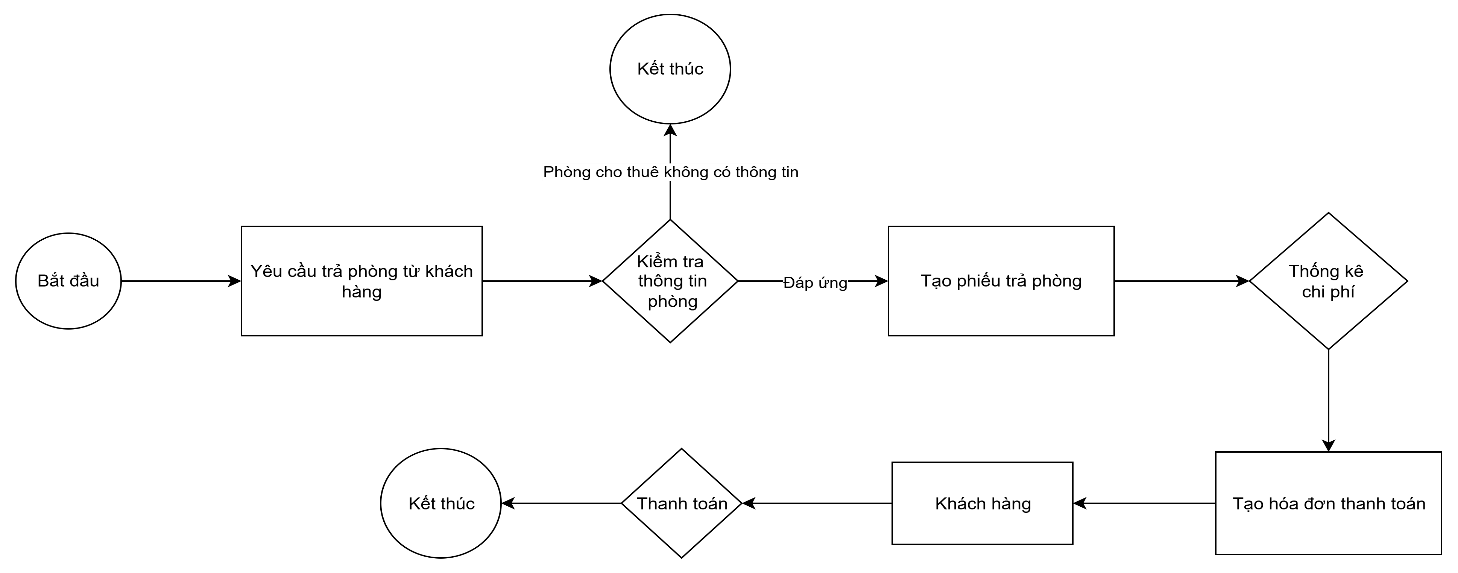
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức năng** | **Mô tả ngắn gọn** |
| **1** | Quản lý thông tin khách hàng | Nhập, sửa, tìm kiếm và lưu trữ thông tin cá nhân khách thuê |
| **2** | Quản lý đặt/trả phòng | Ghi nhận việc đặt phòng, trả phòng, kiểm tra tình trạng phòng |
| **3** | Quản lý danh sách phòng | Theo dõi loại phòng, tình trạng sử dụng, giá và mô tả |
| **4** | Quản lý hóa đơn - thanh toán | Tính tiền thuê, phụ thu, thuế VAT và in hóa đơn |
| **5** | Quản lý dịch vụ phát sinh | Ghi nhận các dịch vụ khách sử dụng trong thời gian lưu trú |
| **6** | Quản lý thống kê - báo cáo | Lập báo cáo doanh thu, hiệu suất sử dụng, số lượt thuê theo tháng |
| **7** | Phân quyền người dùng | Quản trị hệ thống, tạo tài khoản, gán quyền cho nhân viên từng vai trò |

### Hình 3.2. Các chức năng chính của hệ thống

* 1. **Mô hình xử lý nghiệp vụ** 
     1. **Đặt phòng**

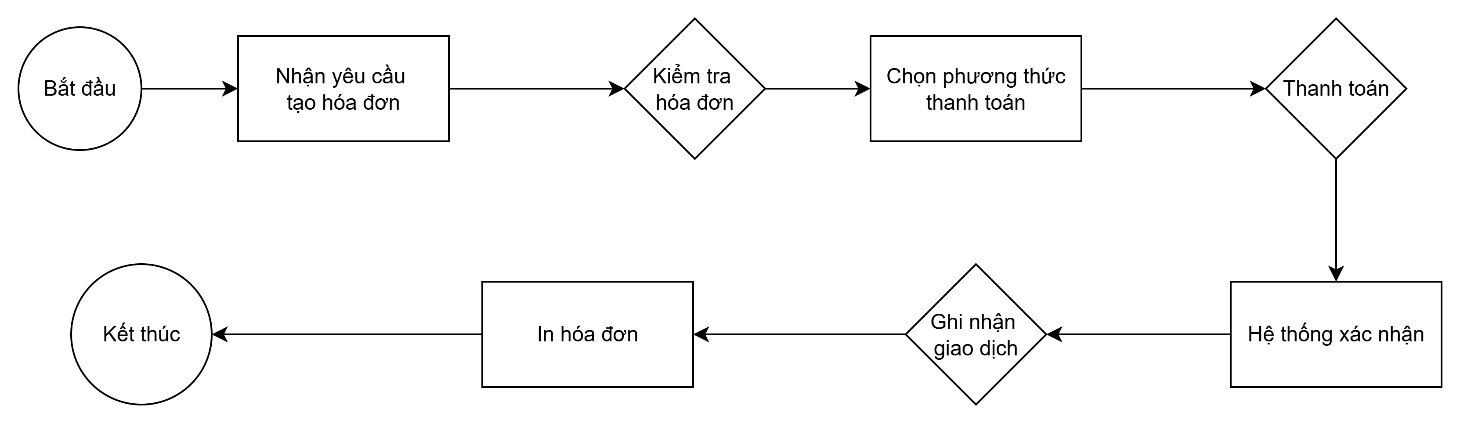
****

### Hình 3.3.1. Sơ đồ nghiệp vụ chức năng đặt phòng

* + 1. **Trả phòng**

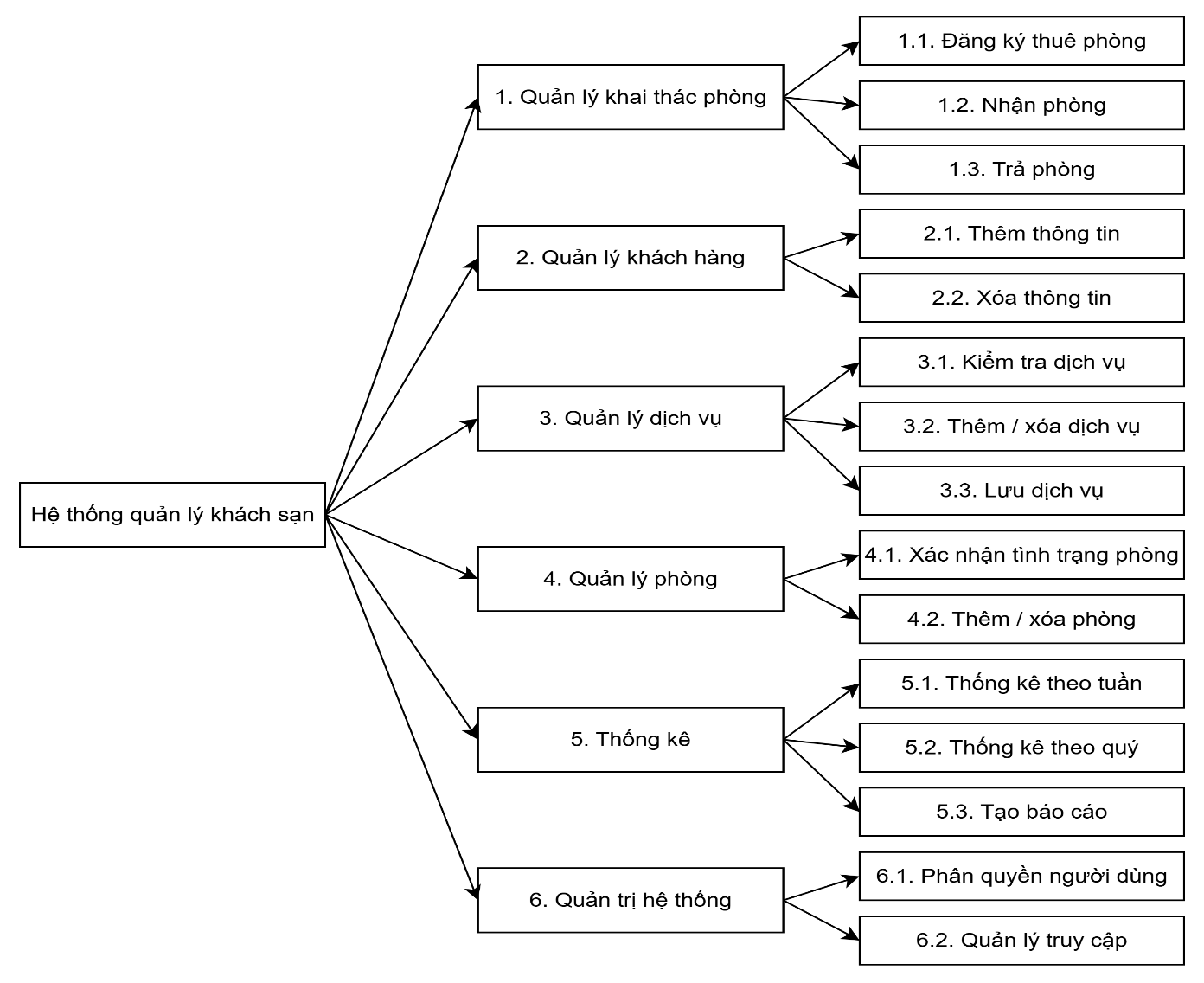
### Hình 3.3.1. Sơ đồ nghiệp vụ chức năng trả phòng

* + 1. **Thanh toán hóa đơn**

****

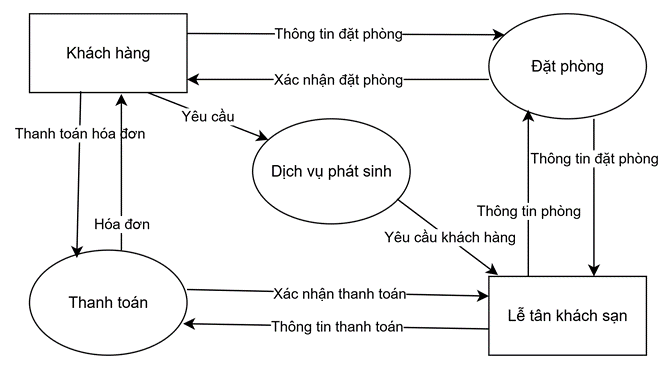
### Hình 3.3.1. Sơ đồ nghiệp vụ chức năng trả phòng

* 1. **Sơ đồ phân rã chức năng**

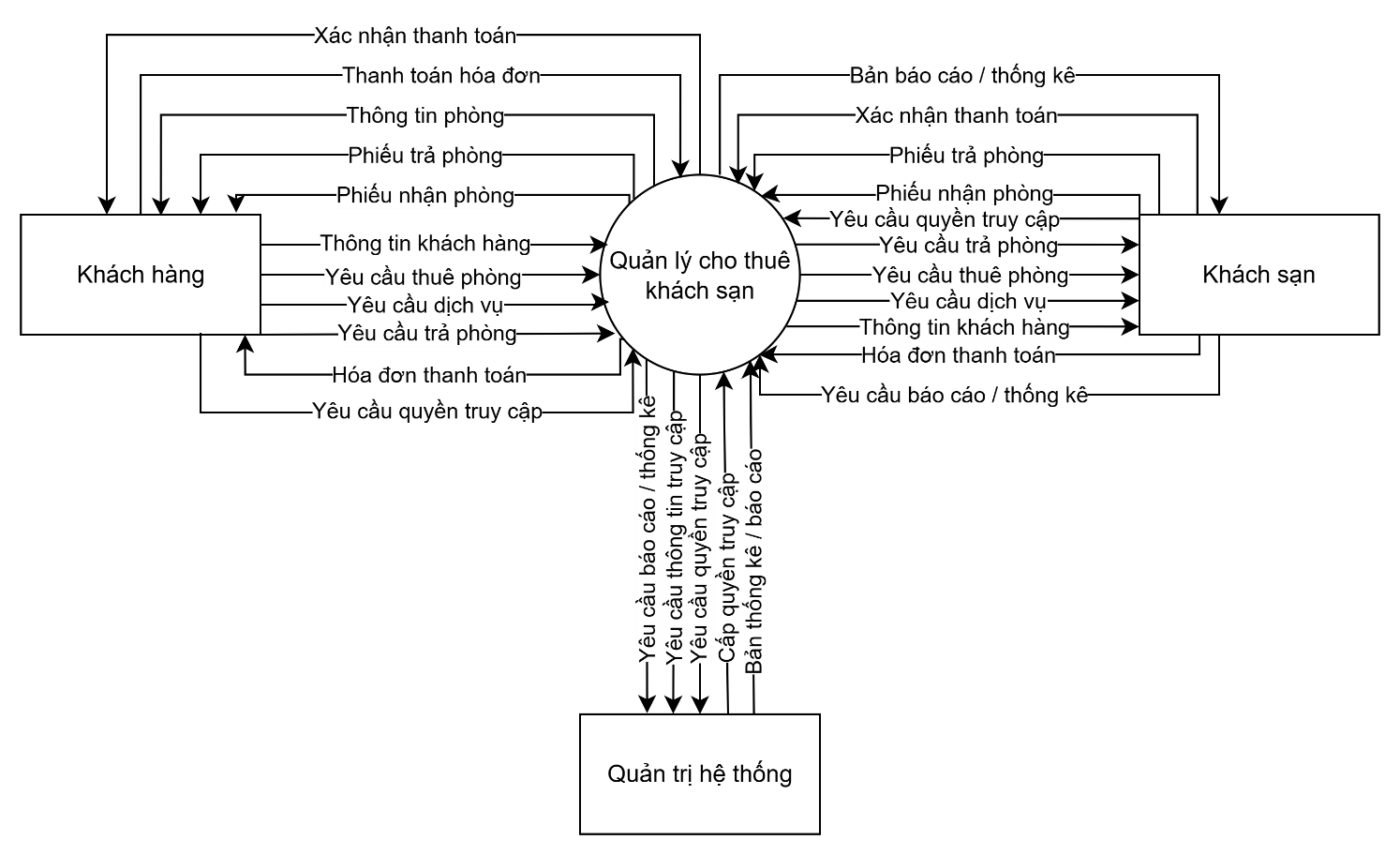


### Hình 3.4. Sơ đồ phân rã chức năng

* 1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**
     1. **Sơ đồ ngữ cảnh**

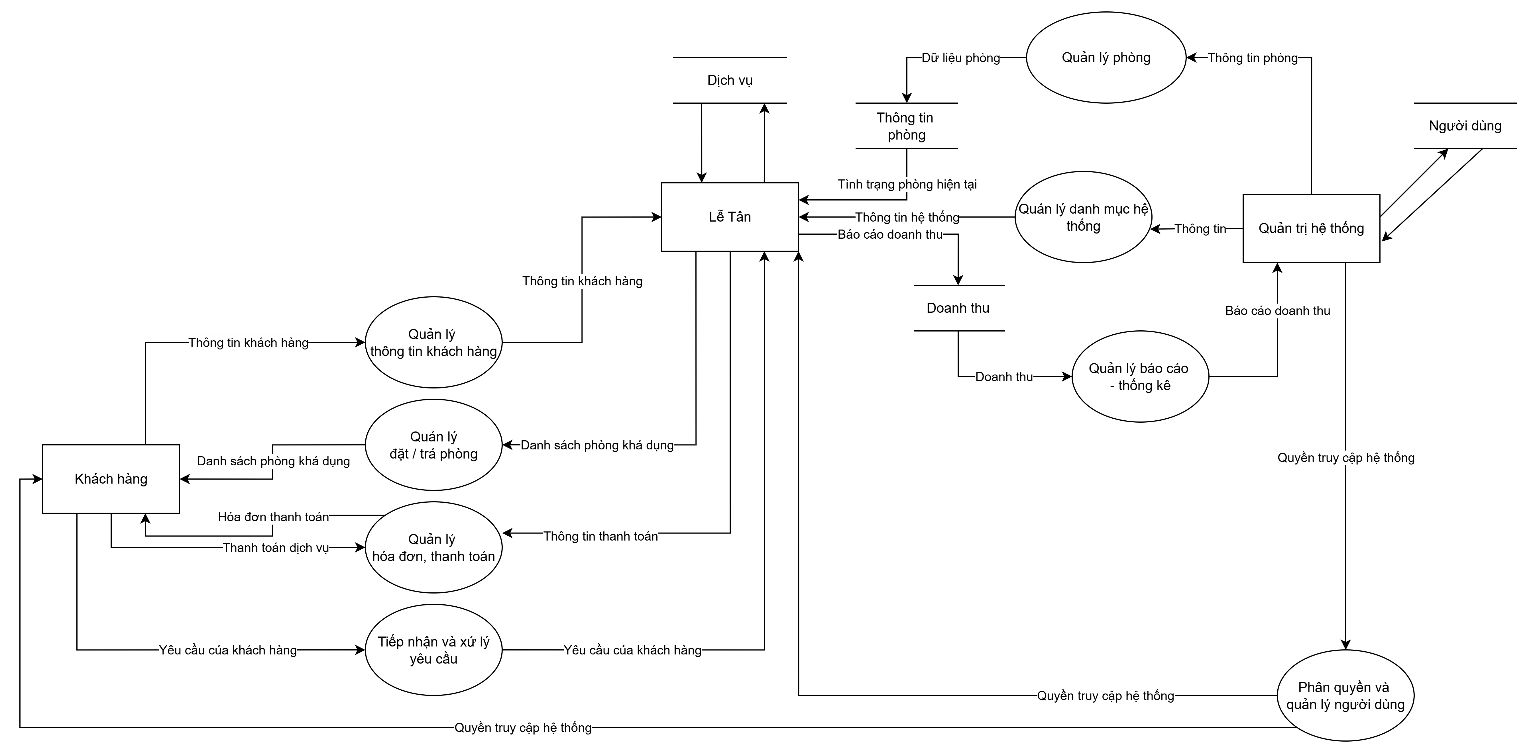


### Hình 3.5.1. Sơ đồ ngữ cảnh

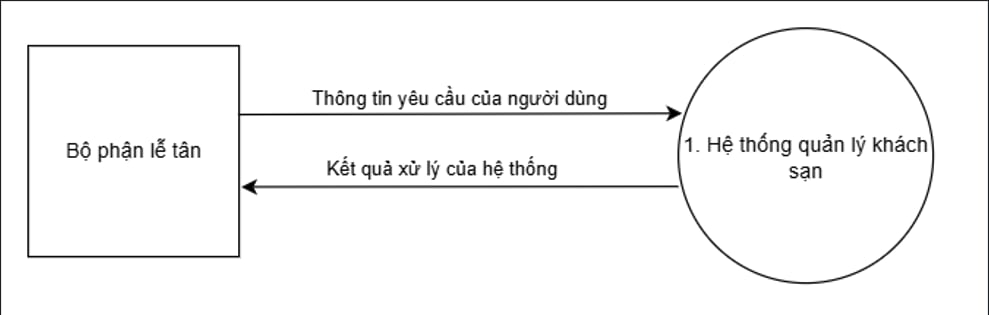
* + 1. **Sơ đồ luồng dữ liệu mức khung cảnh**

*Hình 3.5.2. Sơ đồ luồng dữ liệu mức khung cảnh*

**Sơ đồ luồng dữ liệu mức đỉnh**

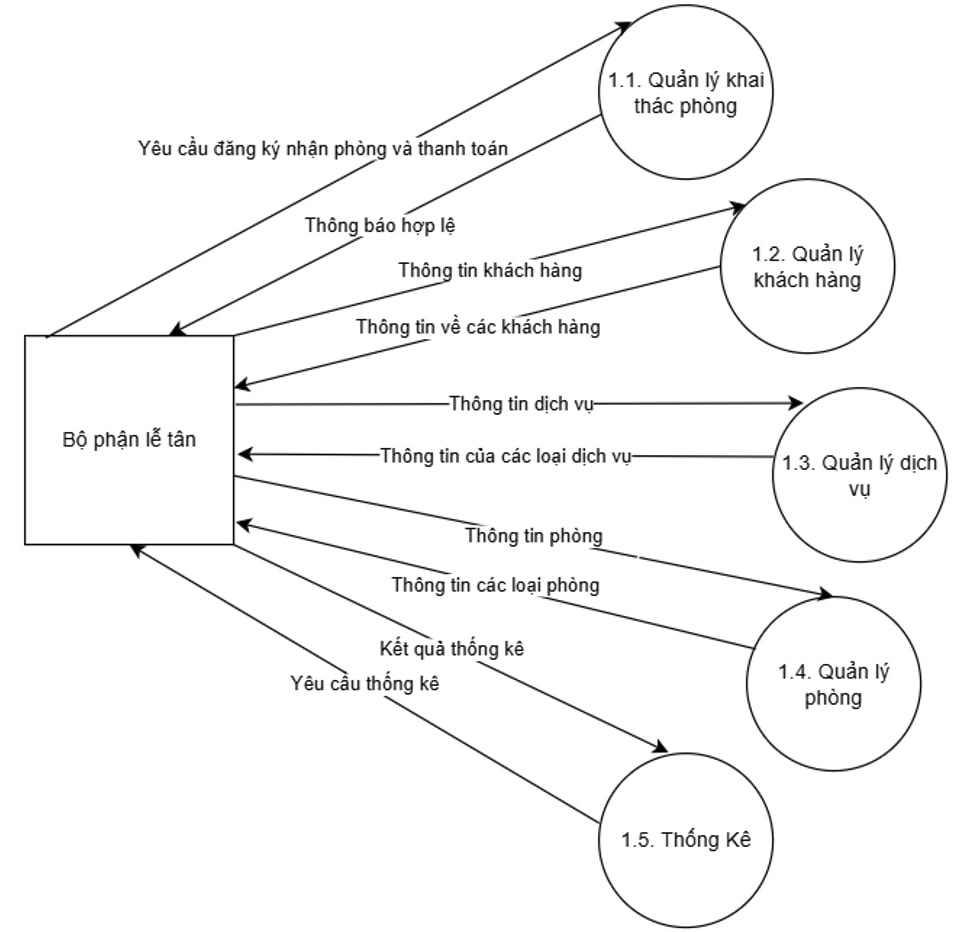


*Hình 3.5.3. Sơ đồ luồng dữ liệu mức đỉnh*

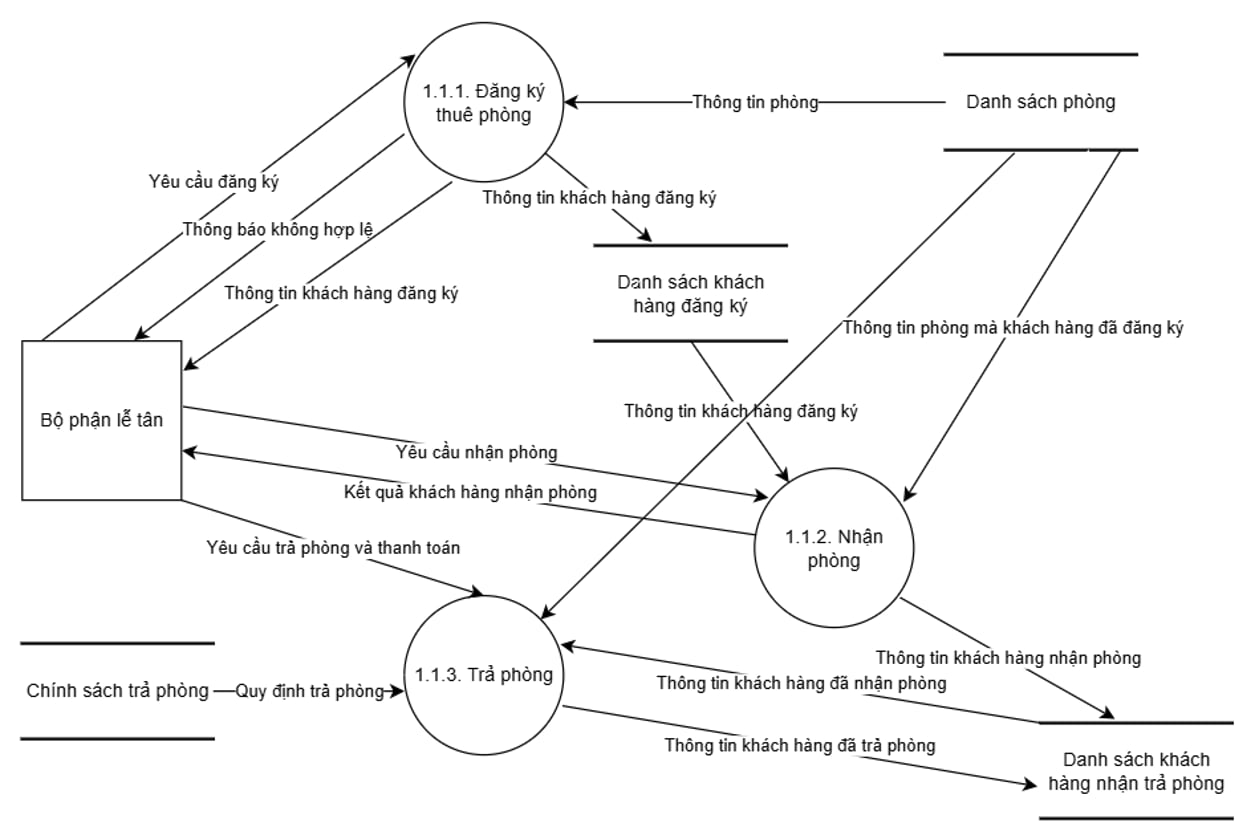
* 1. **Mô hình dòng dữ liệu (DFD – Data Flow Diagram)**
* Mức 0:

### Hình 3.5.1: Mô hình DFD mức tổng quát

* Mức 1:

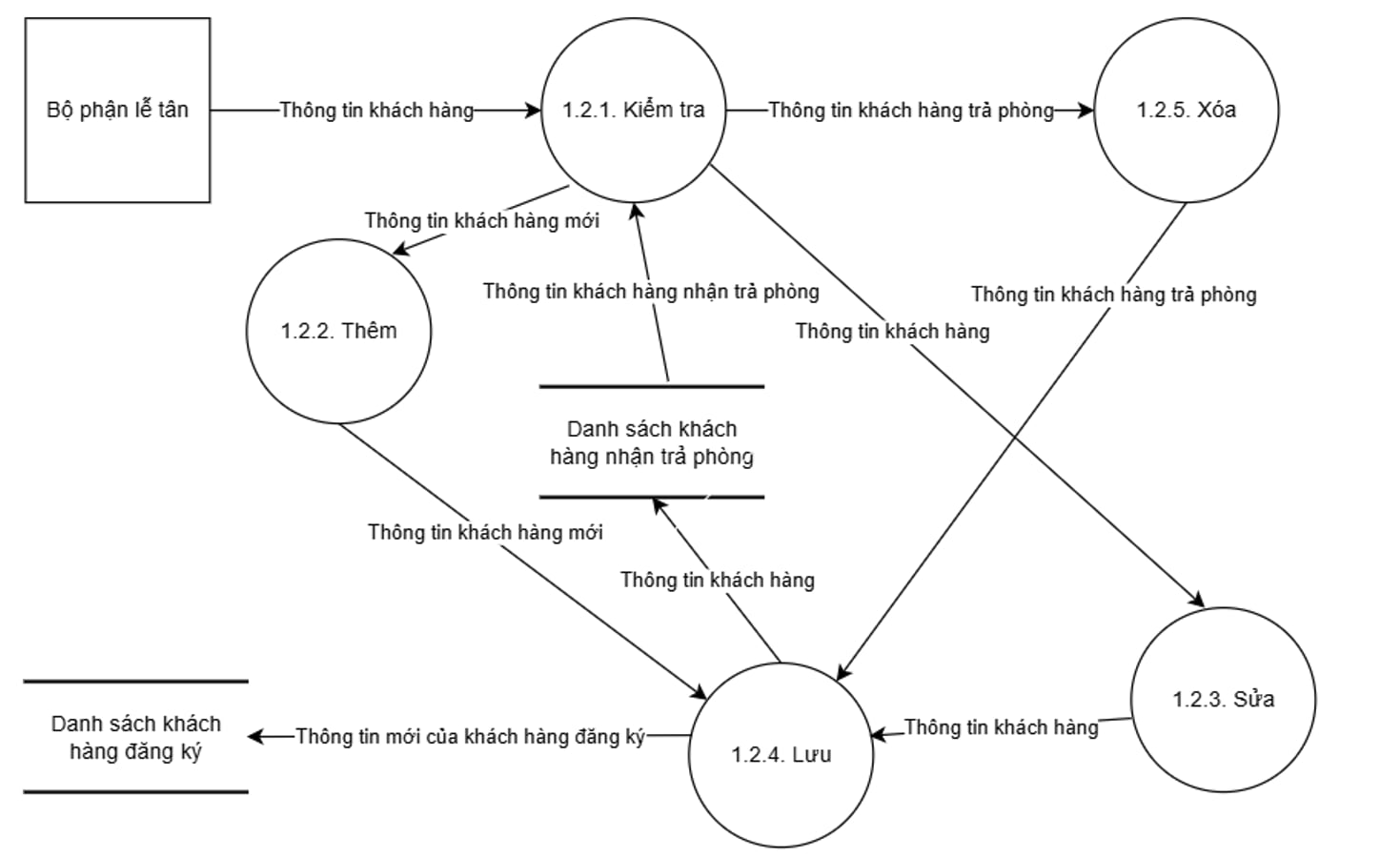


### Hình 3.5.2: Mô hình DFD mức 1

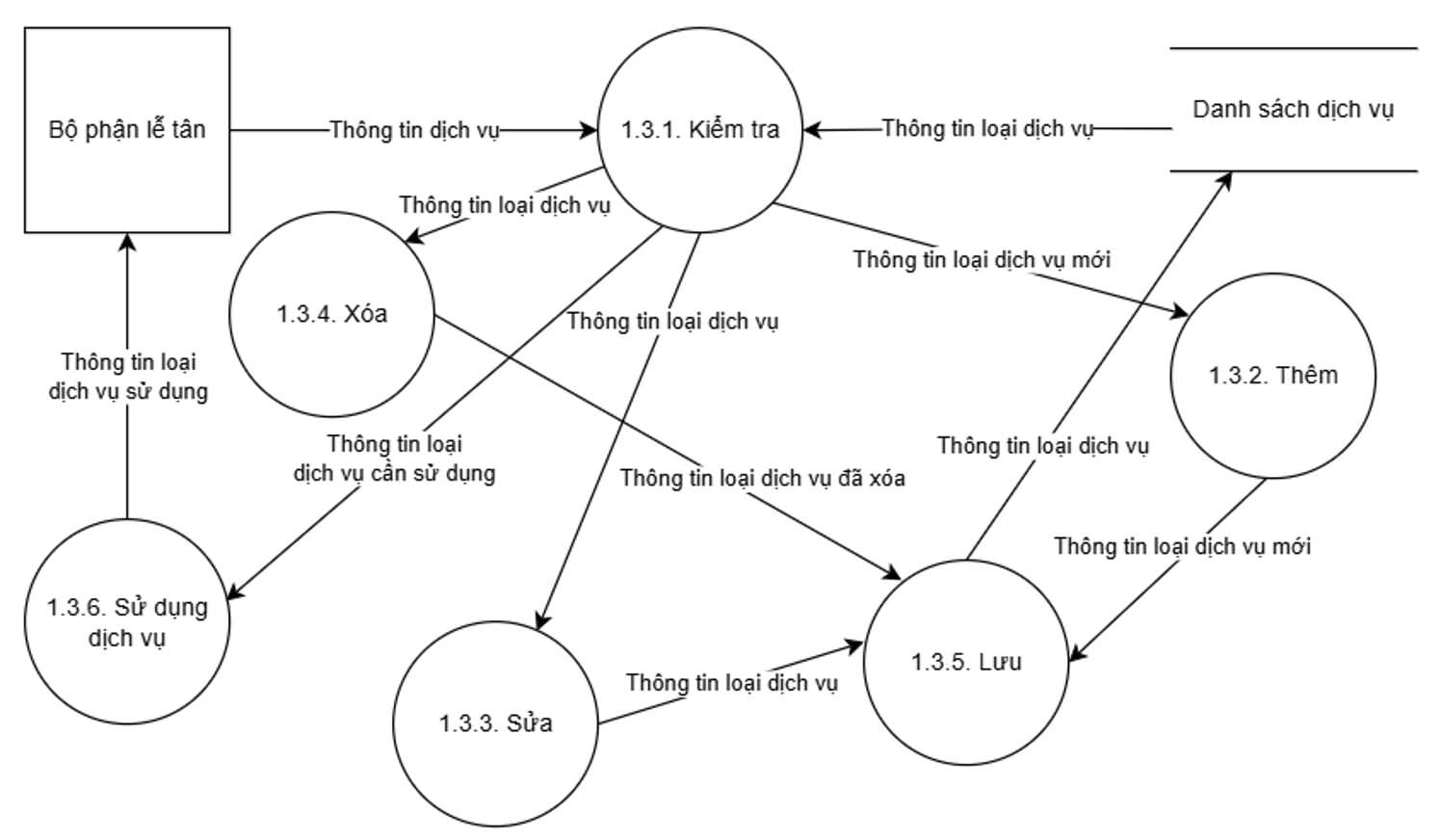
* Mức 2:
  + Phân rã ô xử lý 1 Quản lý phòng:

### Hình 3.5.2. Mô hình quản lý khai thác phòng

* + Phân rã ô xử lý 2 Quản lý khách hàng:

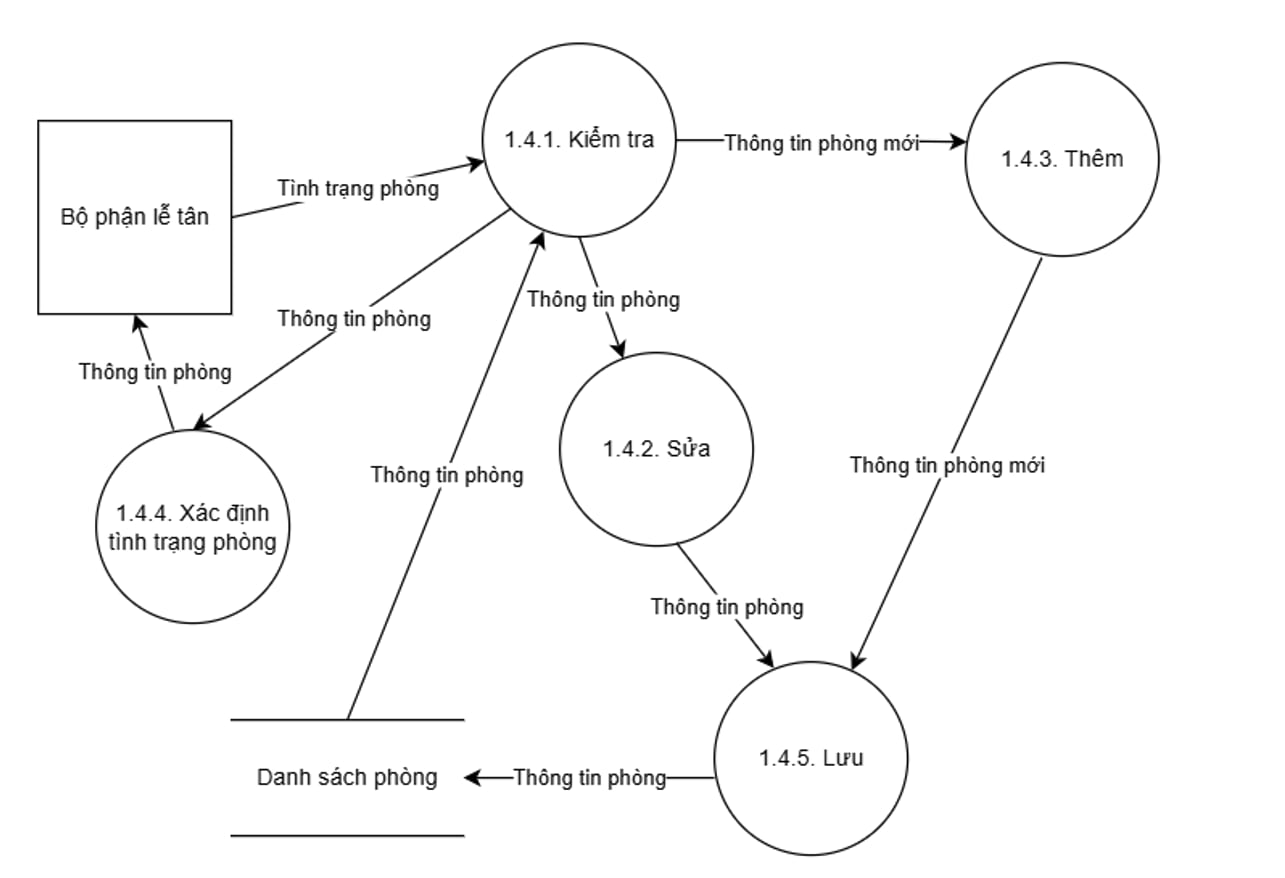


### Hình 3.5.2. Mô hình quản lý khách hàng

* + Phân rã ô xử lý 3 Quản lý dịch vụ:

### Hình 3.5.3. Mô hình quản lý dịch vụ

* + Phân rã ô xử lý 4 Quản lý phòng:



### Hình 3.5.4. Mô hình quản lý phòng

1. **PHÂN TÍCH HỆ THỐNG VỀ DỮ LIỆU**
   1. **Phân tích hệ thống quản lý cho thuê phòng của khách sạn về dữ liệu**
      1. **Xây dựng các mô hình thực thể liên hệ**
         1. **Các tập thực thể**
2. **KHACH\_HANG** (**MaKhachHang**, TenKhachHang, CMND, GioiTinh, DiaChi, DienThoai, QuocTich).
3. **NGUOI\_DUNG** (TenDangNhap, MatKhau, LoaiNguoiDung).
4. **DICH\_VU** (**MaDichVu**, TenDichVu, DonVi, DonGia).
5. **HOA\_DON** (**MaHoaDon**, MaPhong, MaKhachHang, NgayNhan, NgayTra, TongTienDichVu, TongTien, NgayLapHoaDon).
6. **LOAI\_PHONG** (**MaLoaiPhong**, TenLoaiPhong, DonGia, SoNguoiChuan, SoNguoiToiDa).
7. **DANH\_SACH\_PHONG\_THUE (MaPhong, MaLoaiPhong,** DonGia, TinhTrangPhong).
8. **DANH\_SACH\_PHONG\_DA\_CHO\_THUE (MaPhong, MaLoaiPhong, MaKhachHang,** NgayNhan, NgayDuKienTra, GhiChu)
9. **DANH\_SACH\_SU\_DUNG\_DICH\_VU (MaPhong,** DichVuDaDung, TongTienDichVu).
10. **HOA\_DON\_DA\_THANH\_TOAN(MaHoaDon, MaPhong,** TongTien, NgayThanhToan, GhiChu).
    * + 1. **Các mối liên hệ**

**Khách Hàng – Hóa Đơn – Danh Sách Phòng Thuê** (Khách hàng, Hóa đơn, Phòng); là mối liên hệ bậc 3 giữa 3 tập thực thể; cho biết mỗi khách hàng có thể có nhiều hóa đơn tương ứng với các lần thuê phòng khác nhau; nhưng mỗi hóa đơn chỉ gắn với một khách hàng và một phòng cụ thể.

**Danh Sách Phòng Thuê – Loại Phòng** (Phòng, Loại phòng); là mối liên hệ bậc 2 giữa 2 tập thực thể; cho biết mỗi phòng thuộc một loại phòng nhất định; nhưng một loại phòng có thể áp dụng cho nhiều phòng khác nhau.

**Danh Sách Phòng Đã Cho Thuê – Khách Hàng – Loại Phòng** (Phòng, Khách hàng, Loại phòng); là mối liên hệ bậc 3 giữa 3 tập thực thể; cho biết khách hàng thuê một phòng thuộc một loại cụ thể tại thời điểm xác định; nhưng mỗi tổ hợp phòng – khách hàng – loại phòng chỉ xuất hiện một lần trong khoảng thời gian nhất định.

**Danh Sách Sử Dụng Dịch Vụ - Dịch Vụ - Danh Sách Phòng Thuê** (Phòng, Dịch vụ, Tổng tiền dịch vụ); là mối liên hệ bậc 3 giữa 3 tập thực thể; cho biết một phòng có thể sử dụng nhiều dịch vụ, và mỗi dịch vụ có thể áp dụng cho nhiều phòng; nhưng trong mỗi tổ hợp, tổng tiền dịch vụ chỉ được ghi nhận một lần.

**Hóa Đơn Đã Thanh Toán – Hóa Đơn – Danh Sách Phòng Thuê** (Hóa đơn, Phòng); là mối liên hệ bậc 2 giữa 2 tập thực thể; cho biết mỗi hóa đơn sau khi thanh toán được ghi nhận cho một phòng cụ thể; nhưng mỗi tổ hợp hóa đơn – phòng chỉ xuất hiện một lần với thông tin duy nhất về ngày thanh toán, tổng tiền và ghi chú.

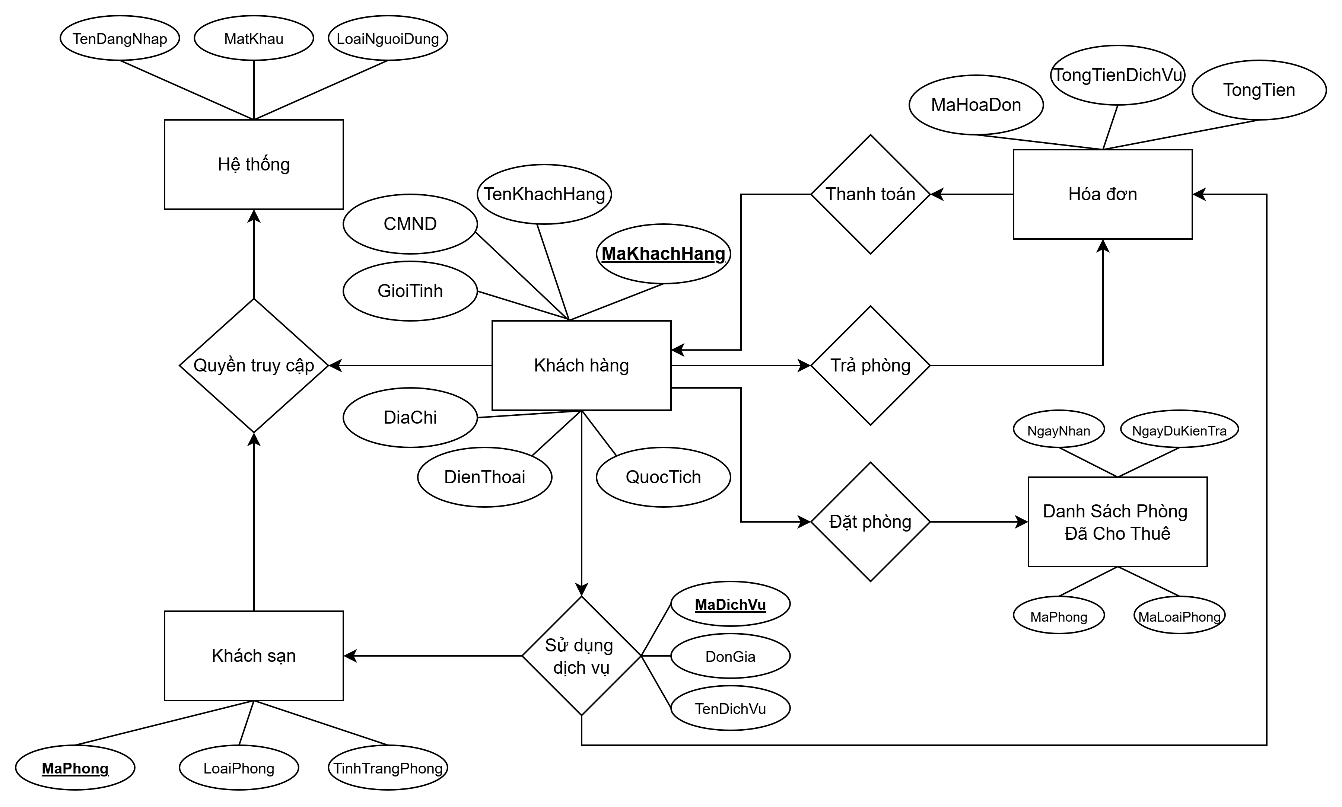
**Người Dùng – Loại Người Dùng** (Người dùng, Loại người dùng); là mối liên hệ bậc 2 giữa 2 tập thực thể; cho biết nhiều người dùng có thể thuộc cùng một loại người dùng (như quản trị viên, nhân viên,...); nhưng một người dùng chỉ thuộc một loại người dùng duy nhất.

**Dịch Vụ - Đơn Vị** (Dịch vụ, Đơn vị); là mối liên hệ bậc 2 giữa 2 tập thực thể; cho biết mỗi dịch vụ được tính theo một đơn vị cụ thể (như lần, giờ, lượt,...); nhưng một đơn vị có thể được áp dụng cho nhiều dịch vụ khác nhau.

**Dịch Vụ - Danh Sách Sử Dụng Dịch Vụ** (Dịch vụ, Phòng); là mối liên hệ bậc 2 giữa 2 tập thực thể; cho biết một dịch vụ có thể được dùng nhiều lần tại nhiều phòng khác nhau; nhưng mỗi tổ hợp phòng – dịch vụ chỉ được ghi một lần duy nhất với số tiền cụ thể.

**Loại Phòng – Hóa Đơn** (Loại phòng, Hóa đơn); là mối liên hệ bậc 2 giữa 2 tập thực thể; cho biết hóa đơn tương ứng với một phòng thuộc một loại phòng cụ thể; nhưng một hóa đơn chỉ đi kèm một loại phòng tại thời điểm lập.

* + - 1. **Sơ đồ thực thể liên hệ**



### Hình 4.1.1.3. Sơ đồ thực thể liên hệ

* + 1. **Chuyển mô hình thực thể sang mô hình quan hệ**
       1. **Các lược đồ quan hệ ban đầu**

1. **KHACH\_HANG** (**MaKhachHang**, TenKhachHang, CMND, GioiTinh, DiaChi, DienThoai, QuocTich).
2. **NGUOI\_DUNG** (TenDangNhap, MatKhau, LoaiNguoiDung).
3. **DICH\_VU** (**MaDichVu**, TenDichVu, DonVi, DonGia).
4. **HOA\_DON** (**MaHoaDon**, MaPhong, MaKhachHang, NgayNhan, NgayTra, TongTienDichVu, TongTien, NgayLapHoaDon).
5. **LOAI\_PHONG** (**MaLoaiPhong**, TenLoaiPhong, DonGia, SoNguoiChuan, SoNguoiToiDa).
6. **DANH\_SACH\_PHONG\_THUE (MaPhong, MaLoaiPhong,** DonGia, TinhTrangPhong).
7. **DANH\_SACH\_PHONG\_DA\_CHO\_THUE (MaPhong, MaLoaiPhong, MaKhachHang,** NgayNhan, NgayDuKienTra, GhiChu)
8. **DANH\_SACH\_SU\_DUNG\_DICH\_VU (MaPhong,** DichVuDaDung, TongTienDichVu).
9. **HOA\_DON\_DA\_THANH\_TOAN(MaHoaDon, MaPhong,** TongTien, NgayThanhToan, GhiChu).
   * + 1. **Chuẩn hóa các lược đồ quan hệ**

Xét LĐQH (1): KHACH\_HANG (MaKhachHang, TenKhachHang, CMND, GioiTinh, DiaChi, DienThoai, QuocTich)

Khóa là: MaKhachHang

Tập phụ thuộc hàm: F = { MaKhachHang → TenKhachHang, CMND, GioiTinh, DiaChi, DienThoai, QuocTich }

⇒ Vì mọi thuộc tính không khóa đều phụ thuộc hàm trực tiếp vào khóa chính, không có phụ thuộc bắc cầu hay lặp → LĐQH đã ở dạng 3NF.

Xét LĐQH (2): NGUOI\_DUNG (TenDangNhap, MatKhau, LoaiNguoiDung)

Khóa là: TenDangNhap

F = { TenDangNhap → MatKhau, LoaiNguoiDung }

⇒ Tương tự, tất cả thuộc tính không khóa đều phụ thuộc trực tiếp vào khóa chính → LĐQH đã ở dạng 3NF.

Xét LĐQH (3): DICH\_VU (MaDichVu, TenDichVu, DonVi, DonGia)

Khóa là: MaDichVu

F = { MaDichVu → TenDichVu, DonVi, DonGia }

⇒ Các thuộc tính phụ thuộc trực tiếp vào khóa, không có phụ thuộc bắc cầu → LĐQH đã ở dạng 3NF.

Xét LĐQH (4): HOA\_DON (MaHoaDon, MaPhong, MaKhachHang, NgayNhan, NgayTra, TongTienDichVu, TongTien, NgayLapHoaDon)

Khóa là: MaHoaDon

F = { MaHoaDon → MaPhong, MaKhachHang, NgayNhan, NgayTra, TongTienDichVu, TongTien, NgayLapHoaDon }

⇒ Tất cả các thuộc tính còn lại phụ thuộc trực tiếp vào khóa → LĐQH ở dạng 3NF.

Xét LĐQH (5): LOAI\_PHONG (MaLoaiPhong, TenLoaiPhong, DonGia, SoNguoiChuan, SoNguoiToiDa)

Khóa là: MaLoaiPhong

F = { MaLoaiPhong → TenLoaiPhong, DonGia, SoNguoiChuan, SoNguoiToiDa }

⇒ Không có thuộc tính phụ thuộc bắc cầu hay không đầy đủ → đã ở dạng 3NF.

Xét LĐQH (6): DANH\_SACH\_PHONG\_THUE (MaPhong, MaLoaiPhong, DonGia, TinhTrangPhong)

Khóa là: MaPhong

F = { MaPhong → MaLoaiPhong, DonGia, TinhTrangPhong }

⇒ Tất cả thuộc tính không khóa đều phụ thuộc trực tiếp vào khóa → LĐQH đã ở dạng 3NF.

Xét LĐQH (7): DANH\_SACH\_PHONG\_DA\_CHO\_THUE (MaPhong, MaLoaiPhong, MaKhachHang, NgayNhan, NgayDuKienTra, GhiChu)

Khóa là: (MaPhong, MaKhachHang, NgayNhan) (giả sử mỗi lần nhận là duy nhất cho tổ hợp này)

F = { MaPhong, MaKhachHang, NgayNhan → MaLoaiPhong, NgayDuKienTra, GhiChu }

⇒ Không có thuộc tính phụ thuộc bắc cầu hoặc lặp → đã ở 3NF.

Xét LĐQH (8): DANH\_SACH\_SU\_DUNG\_DICH\_VU (MaPhong, DichVuDaDung, TongTienDichVu)

Khóa là: (MaPhong, DichVuDaDung)

F = { MaPhong, DichVuDaDung → TongTienDichVu }

⇒ Mỗi tổ hợp phòng – dịch vụ chỉ có một tổng tiền dịch vụ → LĐQH đã ở 3NF.

Xét LĐQH (9): HOA\_DON\_DA\_THANH\_TOAN (MaHoaDon, MaPhong, TongTien, NgayThanhToan, GhiChu)

Khóa là: MaHoaDon

F = { MaHoaDon → MaPhong, TongTien, NgayThanhToan, GhiChu }

⇒ Tất cả thuộc tính phụ thuộc trực tiếp vào khóa chính, không có bất thường → đã ở 3NF.

* 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu.**
     1. **Các bảng dữ liệu**

Dựa vào các lược đồ quan hệ sau khi chuẩn hóa, ta thiết kế các bảng dữ liệu với một số thuộc tính mới được thêm vào.

* Bảng Khách Hàng
  + Tên bảng: KHACH\_HANG
  + Cấu trúc bảng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Chú thích** |
| MaKhachHang | Character(10) | Mã khách hàng |
| TenKhachHang | Character(50) | Tên khách hàng |
| CMND | Character(12) | Chứng minh nhân dân |
| GioiTinh | Character(5) | Giới tính |
| DiaChi | Character(100) | Địa chỉ |
| DienThoai | Character(15) | Số điện thoại |
| QuocTich | Character(30) | Quốc tịch |

* Bảng Người Dùng
  + Tên bảng: NGUOI\_DUNG
  + Cấu trúc bảng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Chú thích** |
| TenDangNhap | Character(30) | Tên đăng nhập |
| MatKhau | Character(30) | Mật khẩu |
| LoaiNguoiDung | Character(20) | Loại người dùng (Admin/Nhân viên) |

* Bảng Dịch Vụ
  + Tên bảng: DICH\_VU
  + Cấu trúc bảng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Chú thích** |
| MaDichVu | Character(10) | Mã dịch vụ |
| TenDichVu | Character(50) | Tên dịch vụ |
| DonVi | Character(20) | Đơn vị tính |
| DonGia | Numeric(10,2) | Đơn giá |

* Bảng Hóa Đơn
  + Tên bảng: HOA\_DON
  + Cấu trúc bảng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Chú thích** |
| MaHoaDon | Character(10) | Mã hóa đơn |
| MaPhong | Character(10) | Mã phòng |
| MaKhachHang | Character(10) | Mã khách hàng |
| NgayNhan | Date | Ngày nhận phòng |
| NgayTra | Date | Ngày trả phòng |
| TongTienDichVu | Numeric(12,2) | Tổng tiền dịch vụ sử dụng |
| TongTien | Numeric(12,2) | Tổng tiền hóa đơn |
| NgayLapHoaDon | Date | Ngày lập hóa đơn |

* Bảng Loại Phòng
  + Tên bảng: LOAI\_PHONG
  + Cấu trúc bảng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Chú thích** |
| MaLoaiPhong | Character(10) | Mã loại phòng |
| TenLoaiPhong | Character(50) | Tên loại phòng |
| DonGia | Numeric(10,2) | Đơn giá phòng |
| SoNguoiChuan | Integer | Số người chuẩn |
| SoNguoiToiDa | Integer | Số người tối đa |

* Bảng Danh Sách Phòng Cho Thuê
  + Tên bảng: DANH\_SACH\_PHONG\_THUE
  + Cấu trúc bảng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Chú thích** |
| MaPhong | Character(10) | Mã phòng |
| MaLoaiPhong | Character(10) | Mã loại phòng |
| DonGia | Numeric(10,2) | Đơn giá |
| TinhTrangPhong | Character(20) | Tình trạng phòng (Trống/Đã thuê) |

* Bảng Danh Sách Phòng Đã Cho Thuê
  + Tên bảng: DANH\_SACH\_PHONG\_DA\_CHO\_THUE
  + Cấu trúc bảng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Chú thích** |
| MaPhong | Character(10) | Mã phòng |
| MaLoaiPhong | Character(10) | Mã loại phòng |
| MaKhachHang | Character(10) | Mã khách hàng |
| NgayNhan | Date | Ngày nhận phòng |
| NgayDuKienTra | Date | Ngày dự kiến trả |
| GhiChu | Character(100) | Ghi chú |

* Bảng Danh Sách Dịch Vụ Đã Dùng
  + Tên bảng: DANH\_SACH\_SU\_DUNG\_DICH\_VU
  + Cấu trúc bảng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Chú thích** |
| MaPhong | Character(10) | Mã phòng |
| DichVuDaDung | Character(100) | Danh sách dịch vụ đã dùng |
| TongTienDichVu | Numeric(12,2) | Tổng tiền dịch vụ |

* Bảng Danh Sách Hóa Đơn Đã Thanh Toán
  + Tên bảng: HOA\_DON\_DA\_THANH\_TOAN
  + Cấu trúc bảng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Chú thích** |
| MaHoaDon | Character(10) | Mã hóa đơn |
| MaPhong | Character(10) | Mã phòng |
| TongTien | Numeric(12,2) | Tổng tiền thanh toán |
| NgayThanhToan | Date | Ngày thanh toán |
| GhiChu | Character(100) | Ghi chú |

* + 1. **Mối liên kết giữa các bảng dữ liệu**

Trong hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý khách sạn, các bảng có mối liên kết chặt chẽ với nhau thông qua các khóa chính – khóa ngoại, nhằm đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu và hỗ trợ các chức năng nghiệp vụ như thuê phòng, thanh toán, quản lý dịch vụ.

Trước hết, bảng KHACH\_HANG là nơi lưu thông tin cá nhân của khách như họ tên, địa chỉ, số CMND,… Bảng này liên kết với bảng HOA\_DON và DANH\_SACH\_PHONG\_DA\_CHO\_THUE qua khóa MaKhachHang, để ghi nhận lịch sử thuê phòng cũng như thông tin thanh toán của từng khách hàng.

Bảng NGUOI\_DUNG chứa thông tin tài khoản đăng nhập của người dùng hệ thống như quản lý, nhân viên,… Tuy nhiên, ở giai đoạn hiện tại, bảng này chưa có liên kết trực tiếp đến các bảng nghiệp vụ, mà thường sẽ được dùng cho mục đích xác thực và phân quyền trong hệ thống phần mềm.

Bảng DICH\_VU lưu danh sách các dịch vụ mà khách sạn cung cấp, như giặt ủi, ăn uống, dọn phòng,... Mỗi dịch vụ có mã dịch vụ riêng, tên, đơn giá và đơn vị tính. Bảng này có mối liên hệ với bảng DANH\_SACH\_SU\_DUNG\_DICH\_VU thông qua mã dịch vụ (tạm đặt là DichVuDaDung), để thống kê khách hàng đã sử dụng dịch vụ nào tại phòng nào. Tuy nhiên, để đảm bảo chuẩn hóa, nên thiết kế thêm một bảng trung gian nếu một phòng có thể sử dụng nhiều dịch vụ và ngược lại.

Bảng HOA\_DON đóng vai trò ghi nhận các giao dịch thanh toán của khách hàng. Nó liên kết với KHACH\_HANG qua MaKhachHang để biết ai thanh toán, và liên kết với các bảng phòng (như DANH\_SACH\_PHONG\_THUE hoặc DANH\_SACH\_PHONG\_DA\_CHO\_

THUE) qua MaPhong để biết khách thanh toán cho phòng nào.

Bảng LOAI\_PHONG quản lý các loại phòng trong khách sạn, như phòng đơn, đôi, VIP,... Mỗi loại phòng có mã, tên, đơn giá và số người tối đa. Bảng này liên kết với các bảng DANH\_SACH\_PHONG\_THUE và DANH\_SACH\_PHONG\_DA\_CHO\_THUE thông qua MaLoaiPhong, nhằm cung cấp thông tin chi tiết về loại phòng mà khách thuê.

Tiếp theo là bảng DANH\_SACH\_PHONG\_THUE, đây là bảng ghi lại danh sách các phòng đang hoạt động trong khách sạn, bao gồm thông tin loại phòng, tình trạng và đơn giá. Bảng này liên kết đến LOAI\_PHONG qua MaLoaiPhong, và có thể liên kết đến HOA\_DON thông qua MaPhong để xác định việc thanh toán cho từng phòng.

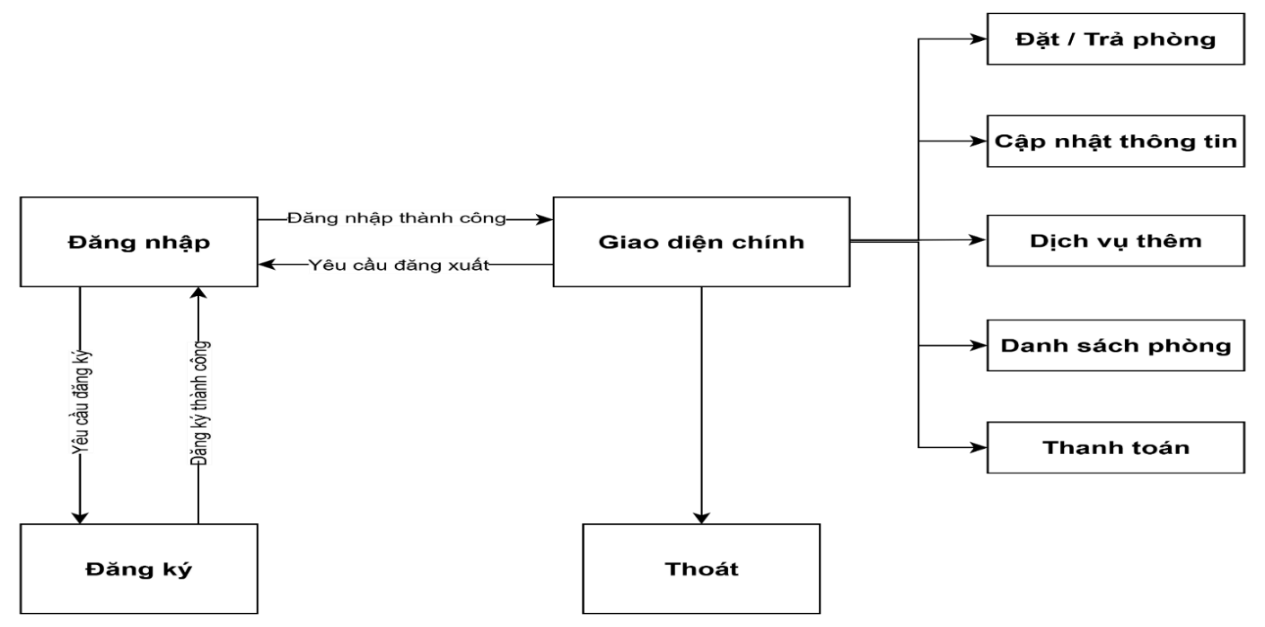
Bảng DANH\_SACH\_PHONG\_DA\_CHO\_THUE mở rộng thêm dữ liệu về thời điểm thuê như ngày nhận, ngày trả dự kiến và tên khách hàng thuê. Nó liên kết đến bảng KHACH\_HANG qua MaKhachHang và liên kết đến bảng LOAI\_PHONG qua MaLoaiPhong, từ đó quản lý lịch sử sử dụng phòng.

Bảng DANH\_SACH\_SU\_DUNG\_DICH\_VU ghi lại dịch vụ mà từng phòng đã sử dụng trong thời gian lưu trú. Nó liên kết đến DICH\_VU (qua tên dịch vụ hoặc mã), và liên kết đến phòng thông qua MaPhong. Nhờ đó, hệ thống có thể tính được tổng chi phí dịch vụ sử dụng ngoài tiền thuê phòng.

Cuối cùng là bảng HOA\_DON\_DA\_THANH\_TOAN, đây là nơi lưu trữ các hóa đơn đã được thanh toán thành công. Nó có liên kết đến bảng HOA\_DON thông qua MaHoaDon, và có thể liên kết đến phòng qua MaPhong để đối chiếu thông tin.

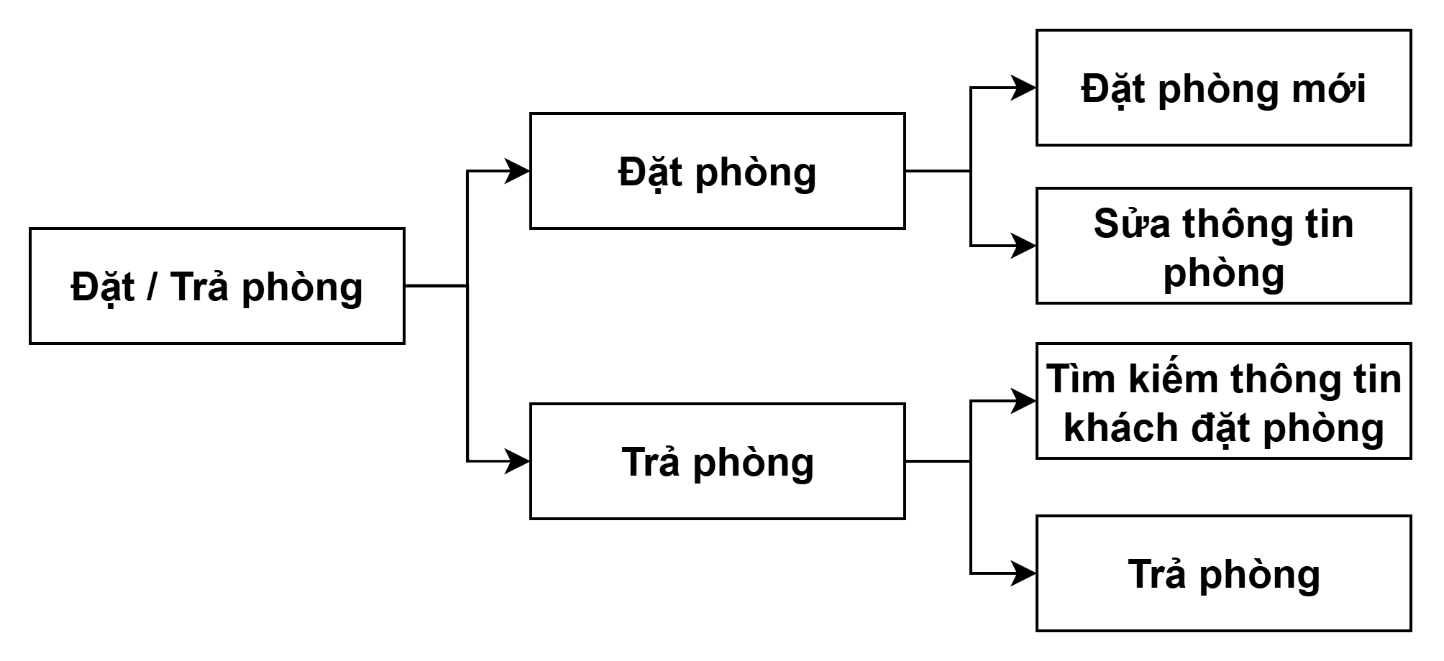
1. **THIẾT KẾ HỆ THỐNG**
   1. **Sơ đồ chức năng chính**

* Sơ đồ giao diện chính:



### Hình 5.1.1. Sơ đồ giao diện chính

* Sơ đồ chức năng đặt / trả phòng:

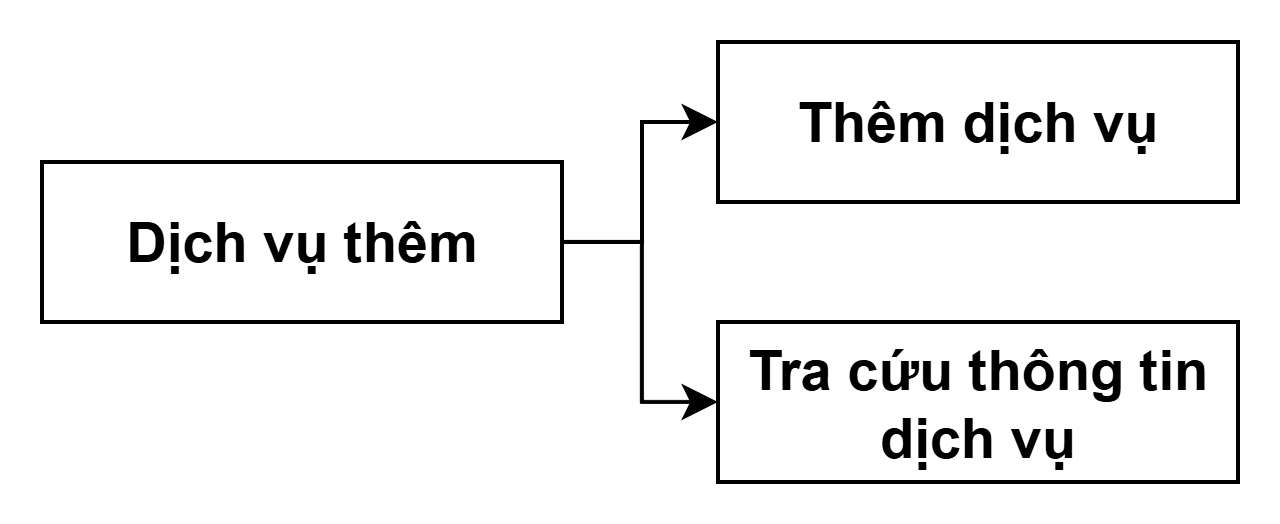
****

### Hình 5.1.2. Sơ đồ chức năng đặt / trả phòng

* ****Sơ đồ chức năng cập nhật thông tin:

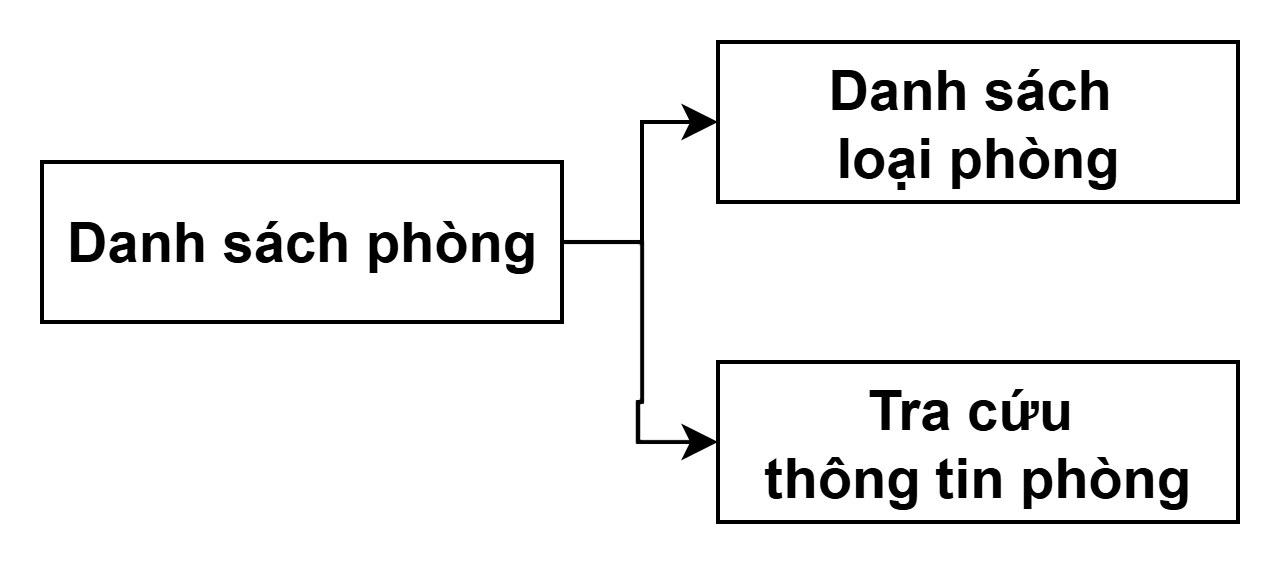
### Hình 5.1.3. Sơ đồ chức năng cập nhật thông tin

* Sơ đồ chức năng dịch vụ thêm:

****

### Hình 5.1.4. Sơ đồ chức năng dịch vụ thêm

* Sơ đồ chức năng danh sách phòng:

****

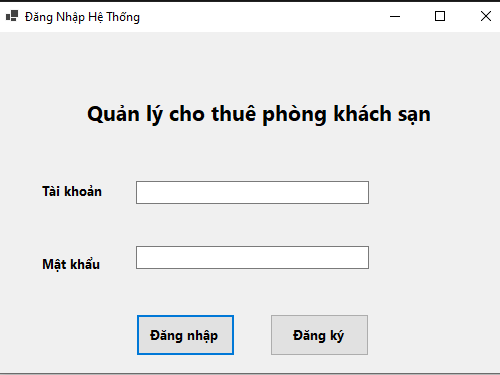
### Hình 5.1.5. Sơ đồ chức năng danh sách phòng

* Sơ đồ chức năng thanh toán:

****

### Hình 5.1.6. Sơ đồ chức năng thanh toán

* 1. **Phân tích hệ thống**
     1. **Truy cập hệ thống**
        1. **Đăng nhập hệ thống**



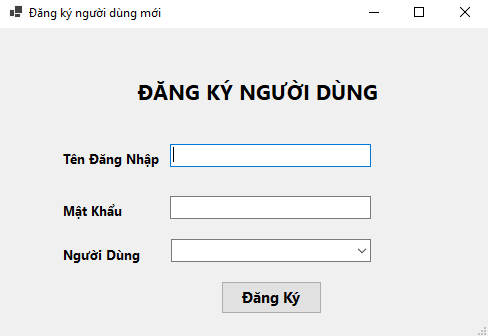
### Hình 5.2.1.1. Giao diện đăng nhập hệ thống

Trong đó :

* Khung Tài Khoản dùng để nhập tên truy cập
* Khung Mật Khẩu dùng để nhập mật khẩu tương ứng với tên truy cập, được ẩn phần giá trị đang nhập để hạn chế lộ thông tin
* Nút đăng nhập để kiểm tra tính hợp lệ của tài khoản và mật khẩu qua đó truy cập vào hệ thống.
* Nút đăng ký để người dùng mới có thể đăng ký Tài Khoản mới với hệ thống.

Cách hoạt động:

* Người dùng nhập Tài Khoản và Mật Khẩu của mình vào khung Tài Khoản và Mật Khẩu.
* Khi ấn đăng nhập, chương trình sẽ đối chiếu dữ liệu được nhập ở 2 ô Tài Khoản và Mật Khẩu với TenDangNhap và MatKhau trong bảng NGUOI\_DUNG của CSDL.
* Nếu trong CSDL tồn tại TenDangNhap và MatKhau tương ứng, hệ thống sẽ tự động chuyển sang giao diện chính của chương trình. Còn nếu không tồn tại dữ liệu tương ứng với giá trị đã nhập, hệ thống sẽ tự động thông báo “Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không đúng” và vẫn giữ nguyên giao diện đăng nhập
* Khi người dùng là người dùng mới, chưa có tài khoản trong hệ thống thì sẽ chọn đăng ký để có thể chuyển sang giao diện đăng ký.
  + - 1. **Đăng ký hệ thống**

****

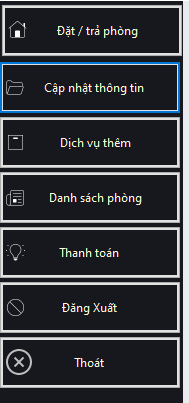
### Hình 5.2.1.2. Giao diện đăng ký hệ thống

Trong đó :

* Khung Tài Khoản dùng để nhập tên truy cập đăng ký.
* Khung Mật Khẩu dùng để nhập mật khẩu đăng ký tương ứng với tên truy cập.
* Khung Người Dùng dùng để chọn loại người dùng đăng ký với hệ thống.
* Nút Đăng Ký để xác nhận đăng ký với hệ thống.

Cách hoạt động:

* Người dùng nhập Tài Khoản và Mật Khẩu mình muốn đăng ký với hệ thống vào khung Tài Khoản và Mật Khẩu
* Tại mục Người Dùng, người đăng ký sẽ chọn 1 trong 3 vai trò của hệ thống bao gồm “Nhân viên khách sạn”, “Quản trị hệ thống” và “Khách hàng”.
* Sau khi nhập đầy đủ thông tin, ấn nút Đăng Ký để xác nhận đăng ký với hệ thống.
* Khi ấn nút Đăng Ký, hệ thống sẽ thêm các dữ liệu vào bảng dữ liêu NGUOI\_DUNG trong CSDL.
* Khi hoàn thành hệ thống thống thông báo đăng ký thành công, sau đó tự động đóng mục Đăng Ký Người Dùng, quay trở lại mục Đăng Nhập Hệ Thống.
  + - 1. **Giao diện chính**

****

### Hình 5.2.1.3. Giao diện menu

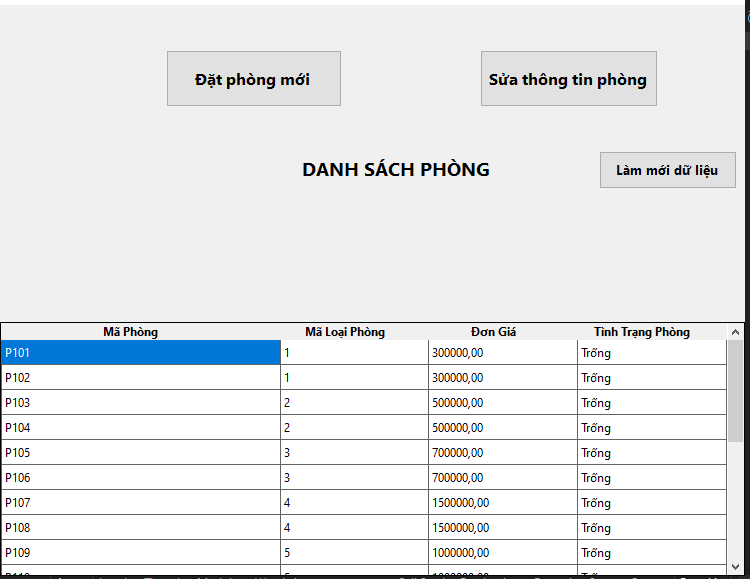
Khi đăng nhập được vào hệ thống, menu của chương trình sẽ gồm:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đặt / trả phòng | Cập nhật thông tin | Dịch vụ thêm | Danh sách phòng | Thanh toán | Đăng xuất | Thoát |

Trong đó:

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục chọn** | **Diễn giải** |
| Đặt / trả phòng | Cho phép đặt phòng, trả phòng đã đặt |
| Cập nhật thông tin | Đăng ký, tra cứu, cập nhật thông tin khách hàng |
| Dịch vụ thêm | Tra cứu dịch vụ, đăng ký sử dụng dịch vụ |
| Danh sách phòng | Tra cứu thông tin phòng, loại phòng |
| Thanh Toán | Thanh toán hóa đơn phòng, tra cứu hóa đơn |
| Đăng xuất | Thoát tài khoản, quay lại giao diện đăng nhập |
| Thoát | Thoát chương trình |

* + 1. **Các chức năng chính**
       1. **Đặt / trả phòng**
* Với đặt phòng:



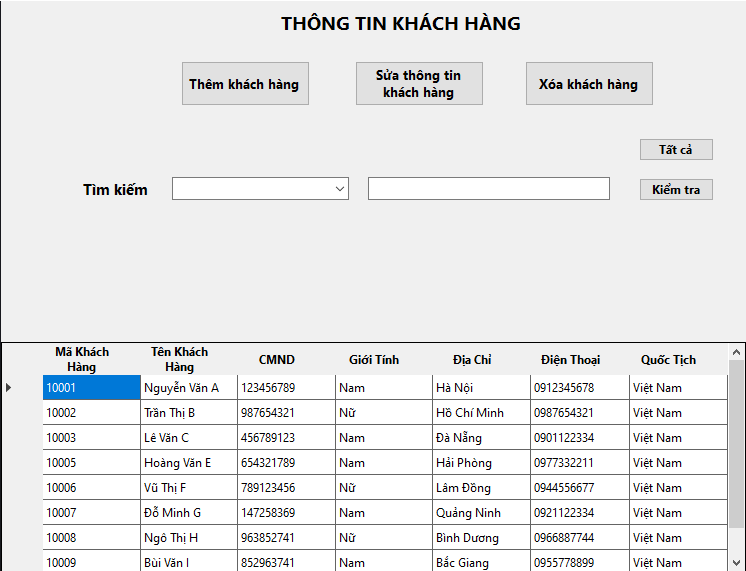
### Hình 5.2.2.1a. Giao diện chức năng đặt phòng

* + Làm mới dữ liệu: Cập nhật lại thông tin phòng mà khách sạn hiện đang cho thuê
  + Đặt phòng mới: Gửi yêu cầu đặt phòng lên hệ thống, sau khi nhập đầy đủ thông tin thì thông tin đặt phòng sẽ được cập nhật lên hệ thống
  + Sửa thông tin phòng: Chọn một phòng đã được cho thuê trên hệ thống, tiến hành sửa thông tin đặt phòng đã có trên hệ thống và cập nhật lại.
* Với trả phòng:



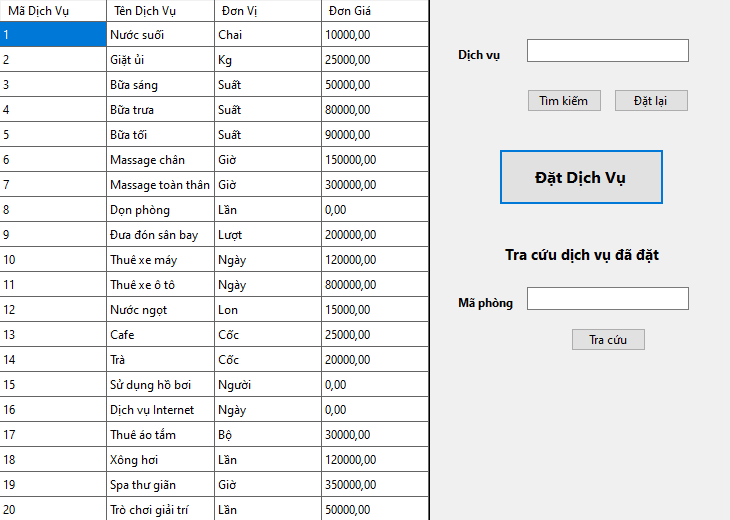
### Hình 5.2.2.2b. Giao diện chức năng trả phòng

* + Hiển thị danh sách các phòng đã được đặt, gồm các thông tin Mã Phòng, Mã loại phòng, Mã khách hàng, Ngày nhận, Ngày dự kiến trả và ghi chú.
  + Tìm kiếm thông tin đặt phòng theo mã phòng. Sau khi nhập mã phòng muốn tìm và ấn tìm kiếm, hệ thống sẽ tìm trong bảng DANH\_SACH\_PHONG\_DA\_CHO\_THUE trong CSDL thông tin mã phòng tương ứng, sau đó đưa ra ở bảng bên dưới giao diện.
  + Khi ấn trả phòng, hệ thống sẽ cho danh sách những phòng đang được cho thuê. Khách hàng chọn phòng và ấn thanh toán.
  + Khi xác nhận thanh toán, hệ thống sẽ tự tính tổng tiền phòng theo số ngày khách đã ở. Số ngày này được tính từ ngày tạo dữ liệu đặt phòng cho đến ngày bấm xác nhận thanh toán. Số ngày được nhân với đơn giá theo loại phòng mà khách đặt để cho ra tổng số tiền phòng khách phải trả.
  + Nút làm mới dữ liệu để làm mới lại dữ liệu của bảng, hiển thị lại danh sách đầy đủ của dữ liệu sau khi khách hàng tìm kiếm phòng hoặc xác nhận trả phòng.
    - 1. **Cập nhật thông tin**

****

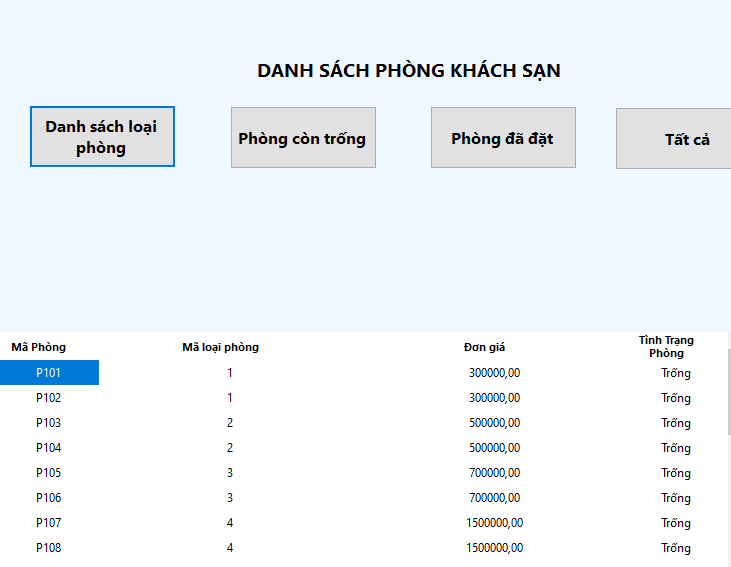
### Hình 5.2.2.2. Giao diện chức năng trả phòng

* Hiển thị danh sách dữ liệu khách hàng đã đăng ký thông tin trên hệ thống.
* Khi muốn tìm kiếm thông tin khách hàng đã đăng ký, người dùng chọn loại dữ liệu cần tìm kiếm trong danh sách, bao gồm Mã khách hàng, Tên khách hàng, CMND, Giới tính, Địa chỉ, Điện thoại, Quốc tịch. Sau đó nhập thông tin tìm kiếm vào khung kế tiếp rồi nhấn kiểm tra. Kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị ở ngay phía dưới bảng dữ liệu.
* Khi muốn cập nhật lại tất cả dữ liệu khách hàng, người dùng chỉ cần nhấn Tất cả, bảng dữ liệu sẽ cập nhật lại tất cả dữ liệu ban đầu.
* Khi ấn thêm khách hàng, hệ thống sẽ hiện ra biểu mẫu để nhập thông tin khách hàng mới. Sau khi nhập đầy đủ thông tin khách hàng và ấn xác nhận, hệ thống sẽ tự động cập nhật những dữ liệu mà người dùng vừa nhập vào bảng KHACH\_HANG trong CDSL
* Khi ấn Sửa thông tin khách hàng, hệ thống sẽ cho người dùng chọn 1 loại dữ liệu, sau đó người dùng nhập thông tin cần tìm theo loại dữ liệu đó, Hệ thống sẽ đưa ra dữ liệu đầu tiên về kết quả tìm kiếm dựa vào thông tin mà người dùng nhập. Sau khi sửa và ấn xác nhận, hệ thống sẽ cập nhật lại thông tin người dùng vừa sửa lên CSDL.
* Khi ấn Xóa thông tin, hệ thống sẽ cho người dùng chọn loại dữ liệu và giá trị cần tìm để chỉ tới thông tin cần xóa đó. Sau khi xác nhận đúng thông tin cần xóa, người dùng ấn xác nhận. Hệ thống sẽ tự động xóa đi thông tin được người dùng chọn trên CSDL.
  + - 1. **Dịch vụ thêm**

****

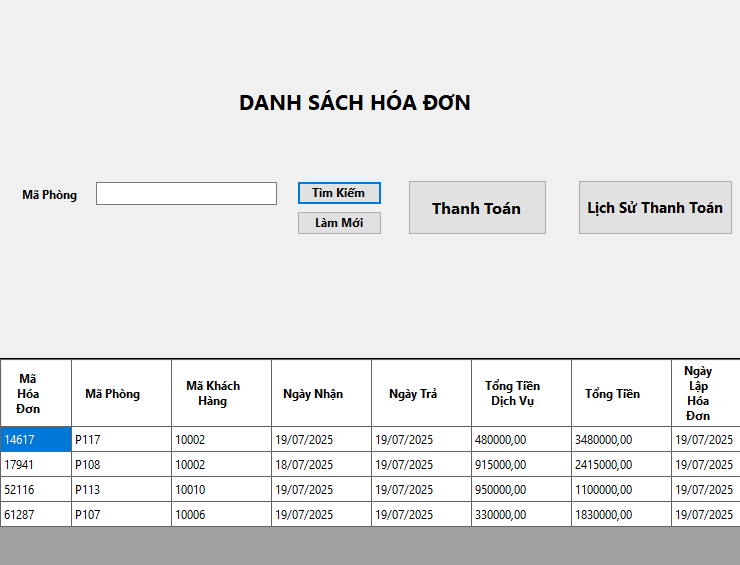
### Hình 5.2.2.3. Giao diện chức năng dịch vụ thêm

* Hiển thị danh sách các dịch vụ đang có trong hệ thống, các thông tin chi tiết về dịch vụ
* Muốn tìm kiếm dịch vụ mà mình cần có hay không, người dùng chỉ cần nhập tên dịch vụ vào khung dịch vụ ở phía trên, sau đó ấn tìm kiếm. Thông tin về dịch vụ cần tìm sẽ được hiển thị lại ở ngay bảng danh sách dịch vụ phía bên trái.
* Khi muốn hiển thị lại bảng danh sách dịch vụ thì ấn đặt lại để bảng dữ liệu có thể về lại trạng thái ban đầu.
* Khi muốn đặt dịch vụ thêm, người dùng ấn vào Đặt Dịch Vụ. Sau khi chọn phòng muốn đặt dịch vụ, hệ thống sẽ hiện ra một danh sách các dịch vụ, ô nhập số lượng và danh sách dịch vụ đã đặt. Sau khi chọn các dịch vụ muốn đặt với số lượng phù hợp, xác nhận dịch vụ cần chọn đã đầy đủ qua danh sách hiển thị, người dùng nhấn Xác nhận. Ngay lập tức danh sách dịch vụ được chọn sẽ được lưu lại cùng với tổng tiền dịch vụ người dùng cần phải trả cho những dịch vụ đó. Người dùng sẽ thanh toán khoản này khi trả phòng.
* Khi muốn xem dịch vụ phòng mình đã đặt, hay muốn tra cứu thông tin dịch vụ đã đặt của phòng đang cho thuê, tại mục tra cứu dịch vụ đã đặt nhập mã phòng cần tìm và ấn tra cứu. Nếu đó là phòng đã cho thuê và đã có yêu cầu đặt dịch vụ sẽ hiện ra thông tin đặt dịch vụ của phòng đó bao gồm danh sách dịch vụ phòng đó đã đặt và tổng tiền dịch vụ của phòng đó.
  + - 1. **Danh sách phòng**

****

### Hình 5.2.2.4. Giao diện chức năng danh sách phòng

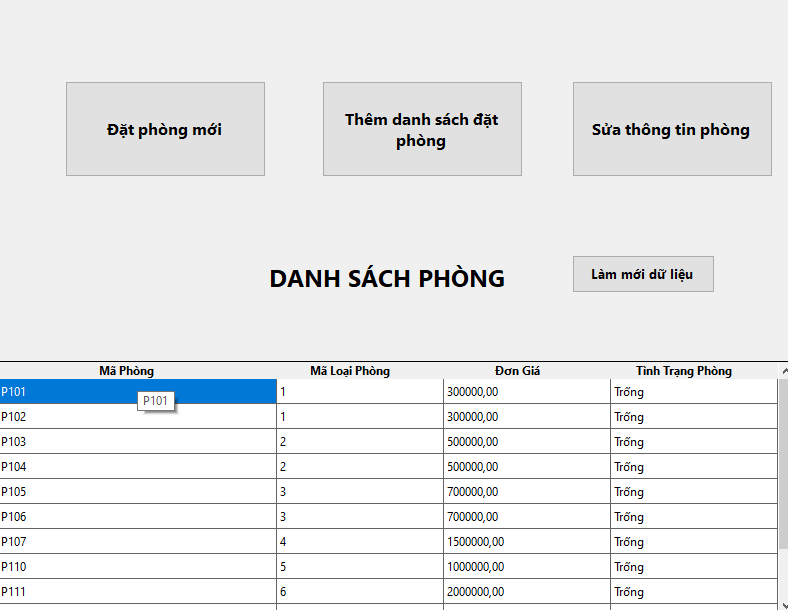
* Hiển thị danh sách tất cả phòng có trên hệ thống hiện tại, bao gồm phòng còn trống và phòng đã đặt.
* Danh sách loại phòng dùng để tra cứu thông tin mã loại phòng, bao gồm mã loại phòng, tên loại phòng, đơn giá, số người tiêu chuẩn và số người tối đa.
* Phòng còn trống dùng để lọc lại danh sách hiển thị sao cho chỉ hiện những phòng còn trống và còn có thể thuê được trên hệ thống.
* Phòng đã đặt dùng để lọc ra danh sách hiển thị những phòng đã được thuê trên hệ thống
* Tất cả để hiện lại tất cả các phòng có trong danh sách phòng.
  + - 1. **Thanh toán**



### Hình 5.2.2.5. Giao diện chức năng thanh toán

* Hiển thị danh sách hóa đơn cần thanh toán.
* Khi cần tìm kiếm hóa đơn của phòng mình, người dùng có thể nhập mã phòng mình đã ở vào mục Mã phòng, sau đó bấm tìm kiếm. Thông tin hóa đơn của phòng đã nhập sẽ hiện ra ở bảng dữ liệu. Nếu muốn bảng dữ liệu về lại trạng thái ban đầu thì ấn làm mới.
* Khi ấn thanh toán, hệ thống sẽ đưa ra danh sách những phòng đã có hóa đơn. Sau khi chọn phòng thì sẽ hiện ra một mục thanh toán, bao gồm tổng tiền khách hàng cần thanh toán, phương thức thanh toán, thông tin thanh toán và ghi chú thêm về hóa đơn. Sau khi xác nhận thanh toán thành công, hóa đơn sẽ được cập nhật vào danh sách hóa đơn đã được thanh toán, sau đó hệ thống sẽ xóa hóa đơn này trong danh sách hóa đơn cần thanh toán.
* Lịch sử thanh toán để lưu thông tin hóa đơn khách hàng đã thanh toán, khi chọn thì sẽ xuất hiện danh sách những hóa đơn đã thanh toán. Nếu người dùng muốn tìm hóa đơn của mình có thể nhập mã hóa đơn trong khung và ấn tìm kiếm. Kết quả sẽ được đưa ra bảng dữ liệu.
  1. **Phân tích chức năng**
     1. **Chức năng đặt phòng**
        1. **Giao diện chính**

Khi chọn Đặt phòng ở menu, giao diện chính của chức năng đặt phòng sẽ được hiện ra:

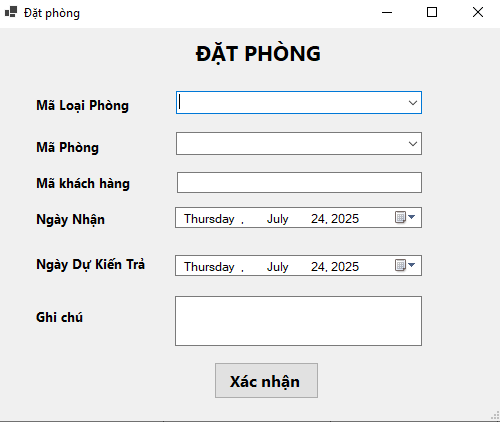


### Hình 5.3.1.1. Giao diện chính của Đặt phòng

Khi giao diện chính được hiện ra, sẽ thấy được một bảng dữ liệu bao gồm các phòng đang trống hiện tại để người dùng có thể chọn phòng mình muốn đặt. Cùng với bảng dữ liệu là các nút chức năng con của chức năng Đặt phòng, bao gồm:

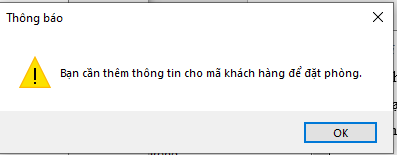
* Đặt phòng mới: Thực hiện đặng ký đặt phòng với chương trình
* Thêm danh sách đặt phòng: Được dùng để thêm danh sách đặt phòng với thông tin từ file dữ liệu excel, dùng cho trường hợp cần phải nhập một lượng lớn thông tin đặt phòng.
* Sửa thông tin đặt phòng: Người dùng có thể sửa thông tin phòng đã đặt trước đó.
* Làm mới dữ liệu: Tiến hành cập nhật lại bảng dữ liệu theo cơ sở dữ liệu liên kết với bảng.
  + - 1. **Đặt phòng mới**

Khi chọn chức năng đặt phòng mới, một cửa sổ để điền thông tin phòng mới sẽ được hiện ra:



### Hình 5.3.1.2a. Cửa sổ điền thông tin đặt phòng mới

Người dùng sẽ chọn một trong các mã loại phòng có trong danh sách cho trước. Sau đó sẽ chọn mã loại phòng đã được sàng lọc theo mã loại phòng tương ứng có trong hệ thống. Đối với mã khách hàng, chương trình sẽ kiểm tra tính hợp lệ của mã bằng việc đối chiếu với bảng KHACH\_HANG trong CSDL. Nếu không tồn tại mã khách hàng tương ứng trong CSDL, hệ thống sẽ thông báo người dùng bổ sung thêm thông tin cho mã khách hàng đó



### Hình 5.3.1.1. Thông báo mã khách hàng cần bổ sung

Sau khi hệ thống xác nhận những thông tin mà người dùng nhập đã đạt được yêu cầu, những thông tin được nhập vào sẽ được thêm vào bảng DANH\_SACH\_PHONG\_DA\_CHO\_THUE trong cơ sở dữ liệu. Sau khi thêm thông tin thành công, thông báo xác nhận của chương trình sẽ được hiện ra và người dùng sẽ quay lại giao diện chính của chức năng đặt phòng.

* + - 1. **Quản lý danh sách đặt phòng**

Được dùng để xem thông tin những phòng đã dược đặt ở trên hệ thống, giúp cho khách sạn có thể dễ dàng quản lý thông tin các phòng đang được cho thuê hiện tại.

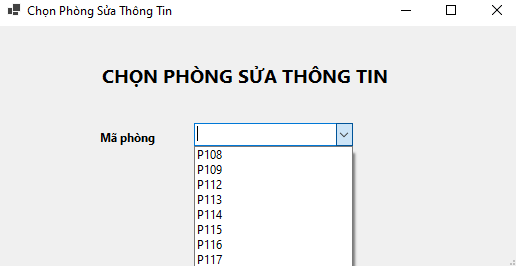


### Hình 5.3.1.3. Danh sách phòng đang được thuê

Cửa sổ sẽ gồm có một danh sách thông tin các phòng hiện đang được đặt trên hệ thống, cùng với đó là 2 nút Thêm và Xuất dữ liệu. Khi phải xử lí một lượng yêu cầu đặt phòng lớn, thay vì nhập trực tiếp từ trên hệ thống thì người dùng có thể chọn nhập từ một file dữ liệu excel với nút Thêm Dữ Liệu. Hoặc nếu muốn xuất danh sách thông tin các phòng đang được đặt thì có thể chọn nút Xuất Dữ Liệu.

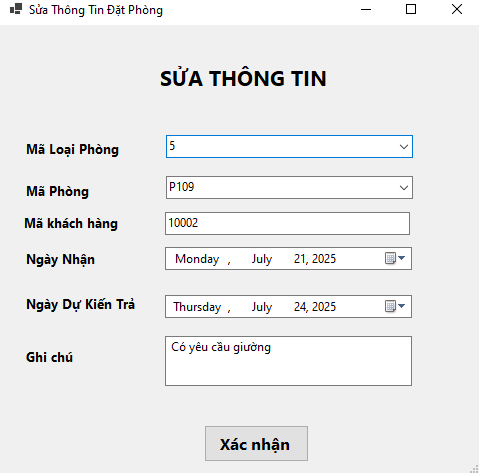
* + - 1. **Sửa thông tin phòng**

Khi người dùng chọn chức năng này, một cửa sổ để chọn mã phòng của phòng đã cho thuê mà người dùng muốn sửa thông tin:



### Hình 5.3.1.4a. Danh sách phòng chọn sửa thông tin

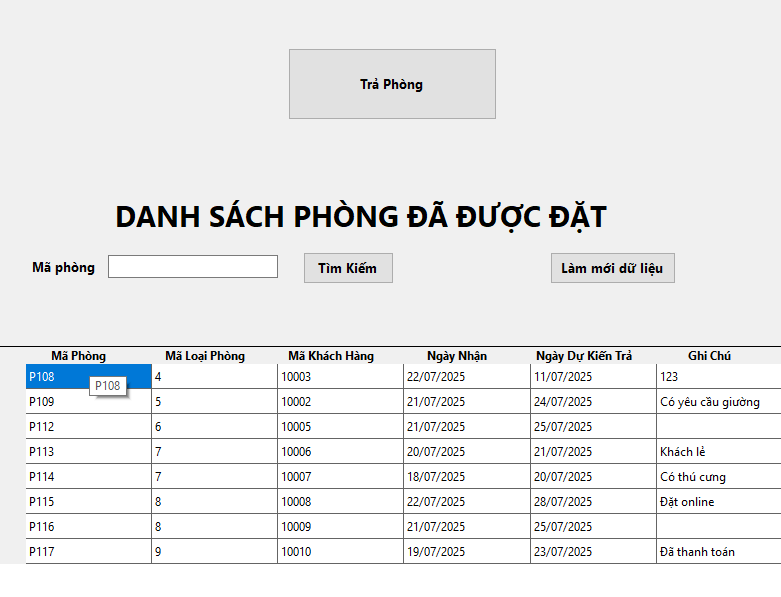
Sau khi chọn phòng cần sửa thông tin và xác nhận, cửa sổ sửa thông tin chi tiết về phòng cần sửa sẽ được mở ra. Sau khi sửa thông tin và xác nhận với hệ thống, thông tin đã sửa sẽ được cập nhật với CSDL.



### Hình 5.3.1.4b. Sửa thông tin phòng đã đặt

* + 1. **Chức năng trả phòng**
       1. **Giao diện chính**

Chọn Trả phòng ở menu, khi đó giao diện chính của chức năng Trả phòng sẽ được hiển thị ở chương trình

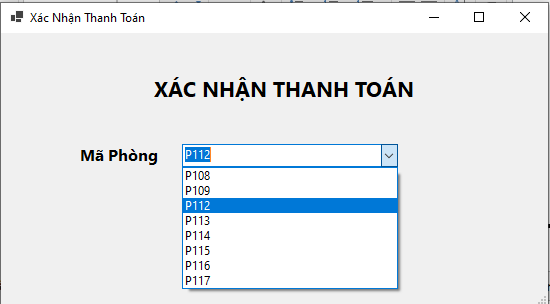


### Hình 5.3.2.1. Giao diện chức năng Trả phòng

Giao diện chính của chức năng trả phòng sẽ bao gồm bảng dữ liệu hiển thị thông tin các phòng đã được đặt từ CSDL, một mục tìm kiếm thông tin phòng đã được đặt theo mã phòng, nút chức năng làm mới bảng dữ liệu và nút chức năng chính là Trả Phòng.

* + - 1. **Trả phòng**

Khi người dùng chọn Trả Phòng, một cửa sổ sẽ được mở ra để người dùng có thể chọn phòng muốn trả. Người dùng chọn một trong những phòng có ở trong danh sách được liệt kê, xác nhận trả phòng.

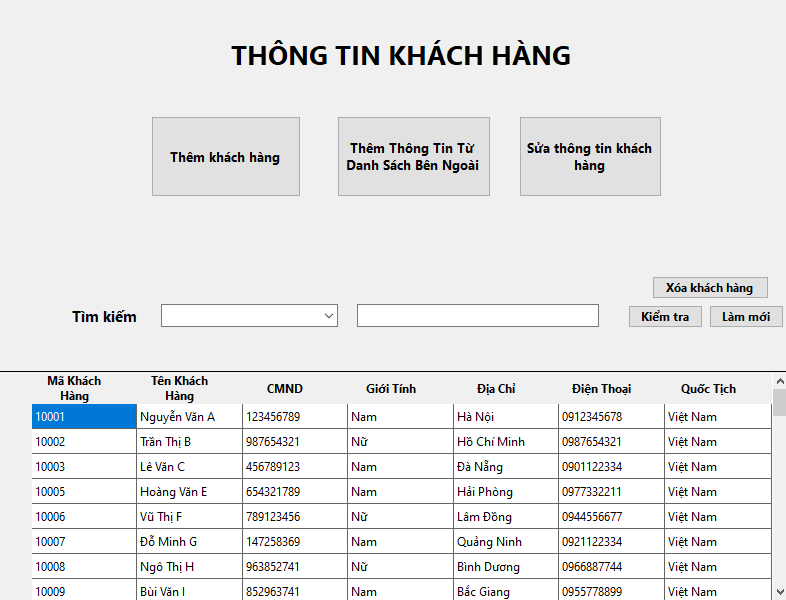
****

### Hình 5.3.2.2. Giao diện xác nhận Trả phòng và thanh toán

Sau khi chọn và xác nhận thanh toán, thông tin phòng. Hệ thống sẽ tự động tạo một thông tin hóa đơn mới trong bảng HOA\_DON. Sau khi tạo dữ liệu cho bảng HOA\_DON thành công, tình trạng phòng được trả sẽ được chuyển lại sang trạng thái trống, và thông tin phòng đã trả sẽ được xóa khỏi bảng DANH\_SACH\_PHONG\_DA\_CHO\_THUE.

* + 1. **Chức năng quản lý thông tin khách hàng**
       1. **Giao diện chính**

Chọn Cập nhật thông tin ở menu, giao diện chính của chức năng Quản lý thông tin khách hàng sẽ được hiển thị ở chương trình, bao gồm các nút chức năng và bảng dữ liệu khách hàng đã đăng ký.



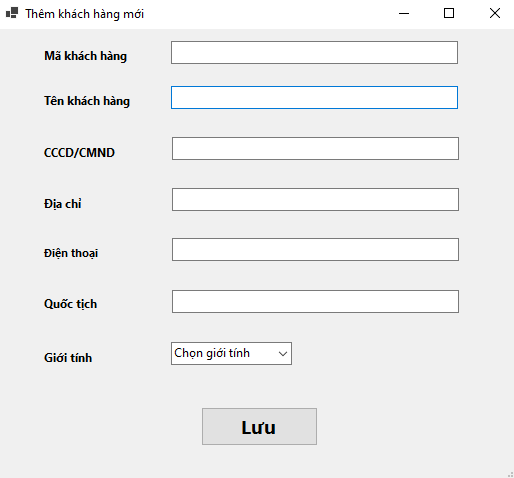
### Hình 5.3.3.1. Giao diện chính Quản lý thông tin khách hàng

Bảng dữ liệu sẽ hiện thông tin những khách hàng đã đăng ký có trong hệ thống. Để tìm kiếm thông tin của một khách hàng nào đó, người dùng có thể chọn loại thông tin mà mình có để tìm khách hàng đó, sau đó nhập thông tin tương ứng và chọn Kiểm tra, bảng dữ liệu sẽ hiển thị ra thông tin của khách hàng đó. Sau khi tìm kiếm, người dùng muốn cập nhật lại thông tin khách hàng được hiển thị từ đầu, người dùng có thể chọn Làm mới.

Khi muốn xóa thông tin một khách hàng nào đó, người dùng có thể chọn một dòng dữ liệu được hiển thị ở bảng dữ liệu trong danh sách, sau đó chọn Xóa khách hàng. Sau khi xác nhận, thông tin về dòng dữ liệu được chọn sẽ được xóa khỏi bảng dữ liệu và trong CSDL.

* + - 1. **Thêm khách hàng**

Khi chọn Thêm Khách Hàng từ giao diện quản lý khách hàng, một cửa sổ để nhập thông tin khách hàng sẽ được mở ra.

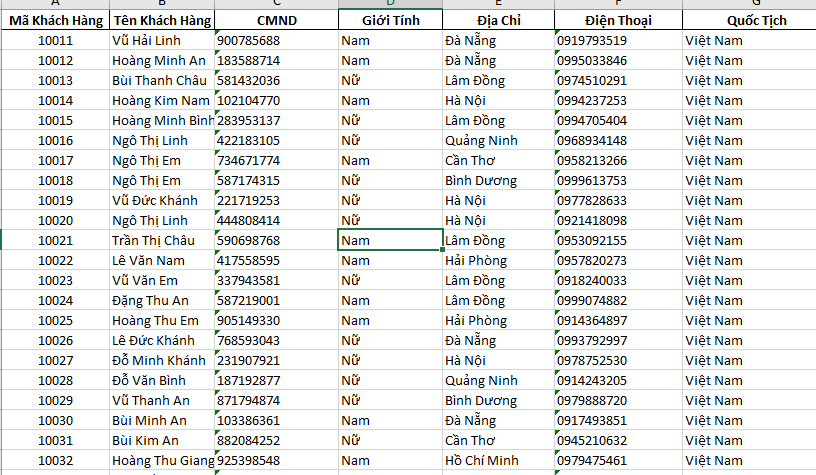
****

### Hình 5.3.3.2. Cửa sổ thêm thông tin khách hàng

Người dùng sẽ nhập đúng thông tin của khách hàng cần nhập thông tin theo từng ô. Sau khi nhập đầy đủ, nhấn lưu. Khi đó hệ thống sẽ đối chiếu tính hợp lệ của thông tinh khách hàng vừa nhập với yêu cầu của hệ thống và CSDL, sau khi xác nhận hoàn tất hệ thống sẽ thông báo lưu dữ liệu thành công và lưu dữ liệu được nhập vào bảng KHACH\_HANG.

* + - 1. **Thêm khách hàng từ danh sách bên ngoài**

Khi có một lượng lớn khách hàng cần đăng ký thông tin, việc chỉ nhập bằng tay từng người sẽ mất rất nhiều thời gian và công sức. Để tối ưu cho việc nhập thông tin, thay vì nhập từng thông tin vào chương trình thì người dùng có thể chọn nhập thông tin từ file dữ liệu excel ở ngoài hệ thống.

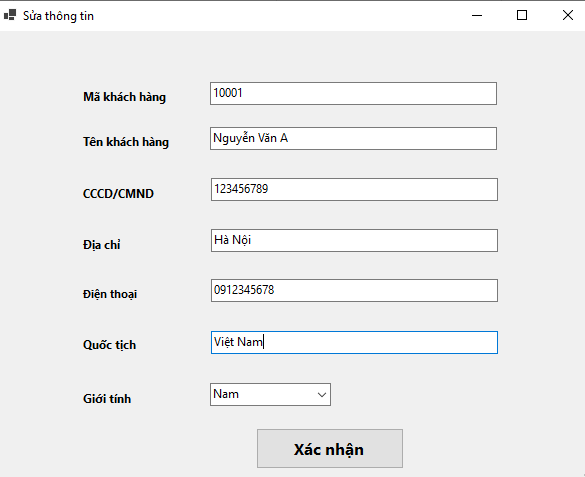
****

### Hình 5.3.3.3. Bảng dữ liệu thông tin khách hàng hợp lệ

Sau khi chọn file excel chứa dữ liệu thông tin khách hàng cần thêm, hệ thống sẽ kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu được thêm vào. Khi xác nhận dữ liệu đã hợp lệ, toàn bộ dữ liệu từ file excel sẽ được thêm vào CSDL, sau đó thông báo đã thêm thông tin khách hàng thành công.

* + - 1. **Sửa thông tin khách hàng**

Khi ấn vào Sửa thông tin khách hàng, chương trình sẽ yêu cầu khách hàng nhập thông tin của khách hàng cần sửa. Nếu thông tin đúng, một cửa sổ thông tin khách hàng sẽ được mở ra:

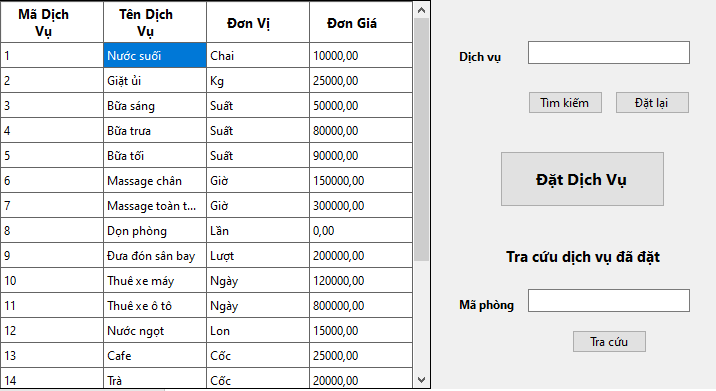
****

### Hình 5.3.3.3. Bảng dữ liệu thông tin khách hàng hợp lệ

Những thông tin tương ứng với từng mục của khách hàng sẽ được hiển thị đầy đủ ở các mục. Sau khi sửa và xác nhận với chương trình, hệ thống sẽ thêm một lần nữa kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu vừa được thêm vào. Sau khí xác nhận dữ liệu hợp lệ, hệ thống sẽ ra thông báo xác nhận, dữ liệu vừa sửa sẽ được cập nhật trong CSDL.

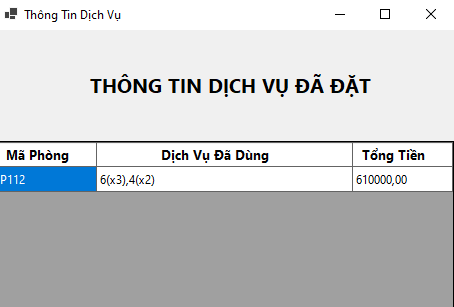
* + 1. **Chức năng quản lý dịch vụ thêm**
       1. **Giao diện chính**

Khi chọn chức năng Dịch vụ thêm từ menu, sẽ mở giao diện chính của chức năng đặt dịch vụ khách sạn:



### Hình 5.3.4.1. Giao diện chức năng Dịch vụ thêm

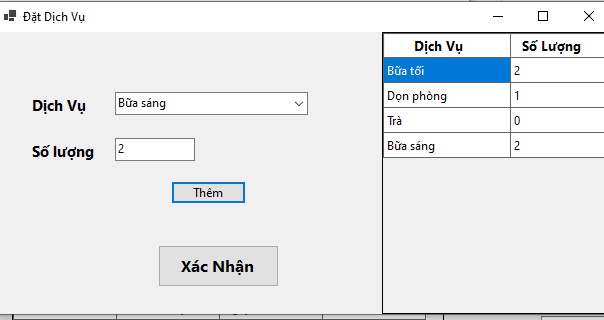
Giao diện chính của chức năng dịch vụ thêm sẽ bao gồm bảng danh sách dịch vụ, mục tra cứu dịch vụ đang có, nút đặt dịch vụ và mục tra cứu dịch vụ đã đặt theo mã phòng. Khi người dùng tra cứu dịch vụ, nhập tên dịch vụ cần tìm và nhấn tìm kiếm. Bảng dữ liệu sẽ lọc thông tin và đưa ra dịch vụ người dùng tìm. Khi cần mở lại bảng dịch vụ đầy đủ thì người dùng chỉ cần chọn đặt lại. Còn nếu muốn tra cứu xem phòng mình đã đặt những dịch vụ gì, người dùng có thể nhập mã phòng của bản thân và ấn tra cứu, thông tin về dịch vụ mà phòng đã đặt nhưng chưa thanh toán sẽ hiện ra.



### Hình 5.3.4.1b. Thông tin đặt dịch vụ của một phòng đang thuê

* + - 1. **Đặt dịch vụ**

Người dùng khi chọn đặt dịch vụ, hệ thống sẽ hiển thị cửa sổ cho người dùng chọn phòng cần đặt dịch vụ thêm. Sau khi chọn phòng, sẽ hiện ra một cửa sổ bao gồm một mục để chọn dịch vụ, nhập số lượng và bảng thống kê những dịch vụ đã đặt.

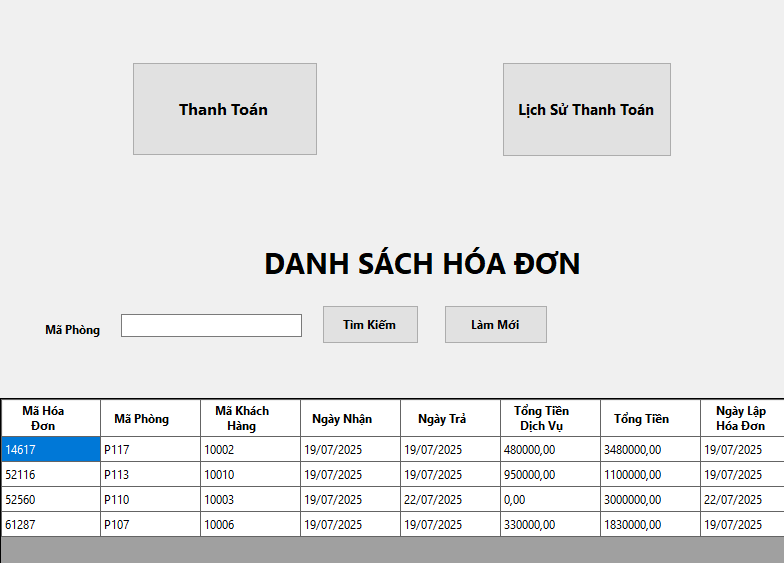


### Hình 5.3.4.3. Thông tin đặt dịch vụ của một phòng đang thuê

Sau khi người dùng đã chọn đủ dịch vụ mà mình cần, ấn xác nhận để hệ thống có thể tiến hành thống kê lại những dịch vụ đã đặt và tổng tiền. Những thông tin này sẽ được lưu vào bảng DANH\_SACH\_DICH\_VU trong CSDL. Những dữ liệu này cùng với thông tin đặt phòng sẽ là thông tin chính để có thể tạo hóa đơn thanh toán khi trả phòng.

* + 1. **Chức năng thanh toán**
       1. **Giao diện chính**

Khi chọn mục thanh toán ở menu, giao diện chính của chức năng thanh toán sẽ được hiển thị ở chương trình

****

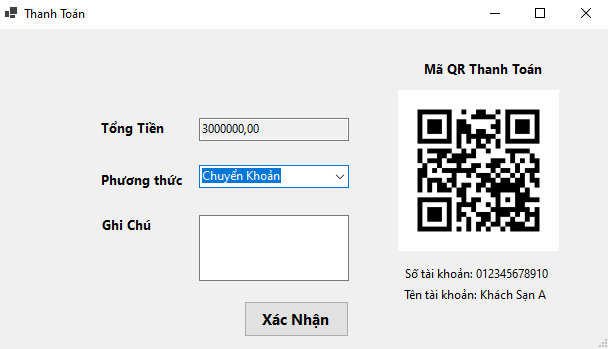
### Hình 5.3.5.1. Giao diện chính của chức năng thanh toán

Giao diện chính của chức năng thanh toán gồm có bảng dữ liệu hiển thị thông tin các hóa đơn đã được lập nhưng vẫn chưa được thanh toán, mục tìm kiếm hóa đơn theo mã phòng, thanh toán và lịch sử thanh toán.

Thông tin hóa đơn sẽ được tạo khi người dùng xác nhận trả phòng. Hệ thống sẽ tổng hợp lại thông tin thuê phòng từ bảng DANH\_SACH\_PHONG \_DA\_CHO\_THUE, thông tin dịch vụ đã được đăng ký theo mã phòng từ bảng DANH\_SACH\_DICH\_VU.

* + - 1. **Thanh toán**

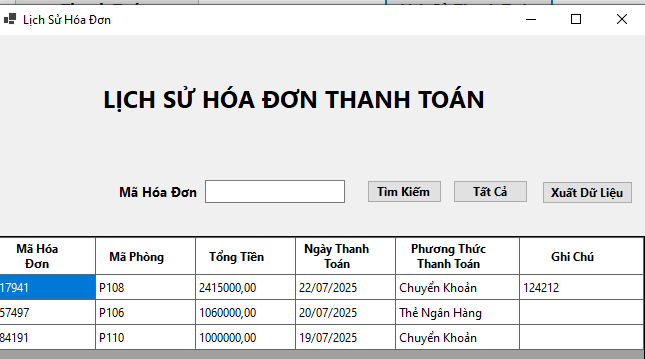
Khi chọn yêu cầu thanh toán, chương trình sẽ yêu cầu người dùng chọn 1 trong những mã phòng có hóa đơn trong danh sách. Sau khi chọn mã phòng cần thanh toán, chương trình sẽ mở ra một cửa sổ bao gồm tổng tiền mà khách trả phòng cần phải thanh toán, phương thức thanh toán và thông tin thanh toán. Sau khi đã xác nhận thanh toán thành công, thông tin hóa đơn được lưu sẽ được chuyển sang danh sách lịch sử hóa đơn đã thanh toán.



### Hình 5.3.5.2. Cửa sổ thanh toán hóa đơn phòng

* + - 1. **Lịch sử thanh toán**

Sau khi hóa đơn đã được thanh toán, thông tin của hóa đơn sẽ được lưu lại trong danh sách lịch sử hóa đơn đã thanh toán

****

### Hình 5.3.5.3. Lịch sử hóa đơn thanh toán

**KẾT LUẬN**

Sau quá trình nghiên cứu, phân tích và phát triển, nhóm đã hoàn thiện đề tài “Xây dựng ứng dụng quản lý cho thuê phòng khách sạn bằng WinForms”, đáp ứng đầy đủ các chức năng cơ bản của một hệ thống quản lý khách sạn như: đăng nhập – phân quyền người dùng, quản lý danh sách phòng, đặt phòng – trả phòng, quản lý thông tin khách hàng, thanh toán và tra cứu hóa đơn. Ứng dụng được xây dựng bằng ngôn ngữ C# trên nền tảng Windows Forms kết hợp với hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server, mang lại tính ổn định, dễ triển khai và sử dụng.

Phần mềm hỗ trợ nhân viên khách sạn thao tác nhanh chóng trong việc tiếp nhận thông tin khách hàng, theo dõi tình trạng phòng, lập phiếu thanh toán và tra cứu thông tin một cách hiệu quả. Giao diện thân thiện, dễ sử dụng, phù hợp với đối tượng người dùng phổ thông tại các khách sạn vừa và nhỏ.

Thông qua việc thực hiện đề tài, nhóm đã có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học vào một bài toán thực tế, từ đó nâng cao các kỹ năng quan trọng như: lập trình hướng đối tượng, thiết kế và quản trị cơ sở dữ liệu, xây dựng giao diện người dùng, xử lý sự kiện, kiểm thử và triển khai phần mềm. Đồng thời, nhóm cũng học được cách làm việc nhóm, chia sẻ công việc và giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống vẫn còn một số hạn chế như chưa hỗ trợ đặt phòng trực tuyến, giao diện còn đơn giản, chưa có báo cáo dạng biểu đồ trực quan. Đây sẽ là cơ sở để nhóm định hướng phát triển thêm trong tương lai, mở rộng ứng dụng sang các nền tảng web hoặc di động, tích hợp thêm các công nghệ hiện đại nhằm tăng tính tiện ích và khả năng mở rộng hệ thống.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Giáo trình Đồ Án 1: Giải pháp xây dựng phần mềm (Chủ biên: Bùi Văn Tân – Trường Đại học Kinh Tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp).*
2. *Lập trình .NET (Chủ biên: Mai Mạnh Trừng – Trường Đại học Kinh Tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp).*
3. *C# Programming Yello Book: Learn to Program in C# from First Principles*

*(Rob Miles).*

1. *Quản Trị Khách Sạn (Bùi Xuân Phong).*
2. *Lập Trình Windows Form Và Web Form Với C# (Nguyễn Tất Bảo Thiện).*

|  |  |
| --- | --- |
| **Bảng Phân Công Nhiệm Vụ** | |
| ***Họ và Tên*** | ***Nhiệm vụ*** |
| Nguyễn Xuân Huy | Khảo sát hệ thống,  Thiết kế cơ sở dữ liệu,  Xây dựng hệ thống |
| Dương Văn Đạt | Phân tích hệ thống,  Thiết kế giao diện,  Kiểm thử |